

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 115, Chúa Nhật 21.03.2010

MỤC LỤC

Sắc Lệnh Về Tông Đồ Giáo Dân : Thống Phái Theo **Vatican**
2

THÀNH LẬP VÀ TỔ CHỨC 17 GIÁO PHẬN TÔNG TÒA, TỪ 1659 ĐẾN 1959 **Gs. Trần Văn**
Cảnh

ĐẠO ĐỨC TRONG XÃ HỘI HÔM NAY **Lm. Vĩnh Sang, dcct**

NĂM THÁNH 2010 (3) SÁM HỐI **Lm. Giuse Trần Việt Hùng**

THA THỨ CHO CHÍNH MÌNH **Br. Huynhquảng**

PHẬN LƯU ĐÀY **Gioan Lê Quang Vinh**

THÁNH TRONG NHÀ **PM. Cao Huy Hoàng**

Chung Sống (3) **Lm. Lê văn Quảng**

GIÁO HỘI CẢM PHỤC VÀ BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI SỐNG ĐỜI THÁNH HIẾN **Lm. Trần Minh Huy,**
pss

YÊU THƯƠNG ĐỜI **Nhà Văn Quyên Di**

NỮ GIỚI VỚI BỆNH TIM **Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức**
M.D.

GIÁO DỤC CẢ ĐỜI **Chuyện phiếm của Gã Siêu**

Sắc Lệnh Về Tông Đồ Giáo Dân : Thống Phái Theo

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Sắc Lệnh Về Tông Đồ Giáo Dân
Apostolicam Actuositatem

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Chương V

Thống Phái Theo 11*

23. Nhập đề. Việc tông đồ của giáo dân, cá nhân hay tập thể, phải được đặt vào đúng chỗ trong công cuộc tông đồ của toàn thể Giáo Hội. Hơn nữa, điều cốt yếu của việc tông đồ Kitô giáo là liên kết với những người đã được Chúa Thánh Thần đặt lên cai trị Giáo Hội Chúa (x. CvĐ 20,28). Và lại, việc cộng tác giữa các tổ chức tông đồ khác nhau cũng cần thiết và

phải được Hàng Giáo Phẩm điều hành thích đáng.

Vì muốn cố võ tinh thần hiệp nhất để bác ái huynh đệ nổi bật lên trong mọi hoạt động tông đồ của Giáo Hội, để đạt được những mục đích chung cũng như để tránh những cạnh tranh nguy hại, cần phải có sự tôn trọng lẫn nhau và sự phối hợp thích đáng giữa các tổ chức tông đồ trong Giáo Hội, miễn là đặc tính riêng của mỗi tổ chức vẫn được duy trì ¹.

Điều đó rất thích hợp mỗi khi có công tác đặc biệt nào trong Giáo Hội đòi phải có sự hòa hợp và cộng tác vào việc tông đồ giữa hai hàng giáo sĩ dòng triều, giữa tu sĩ và giáo dân.

24. Liên lạc với hàng Giáo phẩm. Bốn phận của Hàng Giáo Phẩm là phải hỗ trợ cho hoạt động tông đồ của giáo dân: đề ra những nguyên tắc và giúp các phương tiện thiêng liêng. Phải phối hợp việc tông đồ của họ để sinh ích chung cho cả Giáo Hội. Hàng Giáo Phẩm cũng phải lo cho giáo thuyết và những chỉ thị của Giáo Hội được tuân hành.

Có nhiều thể thức liên lạc giữa việc tông đồ giáo dân với Hàng Giáo Phẩm tùy theo hình thức và mục tiêu của mỗi hoạt động tông đồ.

Trong Giáo Hội quả thực có nhiều công cuộc tông đồ do giáo dân có sáng kiến thành lập và khôn khéo điều hành. Nhờ những tổ chức tông đồ như thế, trong nhiều hoàn cảnh, Giáo Hội có thể chu toàn sứ mệnh của mình cách tốt đẹp, và do đó Hàng Giáo Phẩm thường ca ngợi và cổ võ các tổ chức đó ². Nhưng không một sáng kiến nào được lấy danh nghĩa công giáo nếu không có sự ưng thuận của giáo quyền hợp pháp.

Có một số tổ chức tông đồ giáo dân, dưới hình thức này hay hình thức khác, đã được giáo quyền công khai chấp nhận.

Ngoài ra vì nhu cầu ích chung của Giáo Hội, giáo quyền có thể lựa chọn và cổ võ cách đặc biệt một vài tổ chức trong số những tổ chức hay hiệp hội tông đồ có sẵn, trực tiếp nhằm mục đích thiêng liêng và giáo quyền cũng nhận trách nhiệm đối với những tổ chức đó. Như thế, khi tổ chức công việc tông đồ tùy theo cách thức khác cho hợp với hoàn cảnh, Hàng Giáo Phẩm liên kết chặt chẽ hơn một hình thức tông đồ giáo dân nào đó với phận vụ tông đồ của mình, tuy nhiên vẫn giữ nguyên vẹn bản chất và sự khác biệt giữa hai bên. Giáo dân do đấy vẫn còn khả năng cần thiết để được tự do hành động theo sáng kiến riêng của họ. Trong nhiều văn kiện của Giáo Hội hành động trên đây của Hàng Giáo Phẩm được gọi là ủy nhiệm.

Sau hết, Hàng Giáo Phẩm còn trao phó cho giáo dân một vài phận vụ liên quan mật thiết hơn với nhiệm vụ của chủ chăn như việc dạy giáo lý, thi hành một vài động tác phụng vụ, hay việc chăm sóc các linh hồn. Chính do việc ủy nhiệm này, người giáo dân, khi thi hành nhiệm vụ, phải hoàn toàn tuân phục sự điều khiển của cấp trên trong Giáo Hội.

Về những vấn đề liên hệ tới những công cuộc và những định chế thuộc lãnh vực trần thế, Hàng Giáo Phẩm có nhiệm vụ phải chính thức giảng dạy và giải thích những nguyên tắc luân lý phải theo trong địa hạt này. Một khi đã cân nhắc kỹ lưỡng và bàn hỏi với các nhà chuyên môn, Hàng Giáo Phẩm có quyền thẩm định công cuộc này hay định chế kia là phù hợp hay không phù hợp với các nguyên tắc luân lý và phán quyết những gì phải làm để bảo vệ và cổ võ những lợi ích thuộc lãnh vực siêu nhiên.

25. Hàng giáo sĩ phải giúp đỡ việc tông đồ giáo dân. Các Giám Mục, các cha sở, các linh mục dòng triều phải nhớ rằng quyền và bốn phận làm tông đồ là chung cho tất cả mọi tín hữu không phân biệt giáo sĩ hay giáo dân, và trong việc xây dựng Giáo Hội, giáo dân cũng có phần riêng của họ ³. Vì thế các ngài phải cùng với giáo dân làm việc trong Giáo Hội và cho Giáo Hội với tinh huynh đệ, cũng như phải đặc biệt để tâm lo cho giáo dân trong khi họ làm việc tông đồ ⁴.

Các linh mục được đề cử giúp đỡ các tổ chức tông đồ đặc biệt của giáo dân phải là người có khả năng và được huấn luyện đầy đủ ⁵. Các linh mục này, vì nhận trách nhiệm do Hàng Giáo Phẩm, nên trong lúc hoạt động, các ngài là đại diện của Hàng Giáo Phẩm trong chính hoạt động mục vụ của mình. Luôn luôn trung thành với tinh thần và giáo lý của Giáo Hội, các ngài phải làm cho giữa giáo dân và Hàng Giáo Phẩm có những liên lạc thích đáng. Các ngài phải ra sức nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng và tinh thần tông đồ nơi các đoàn thể công giáo đã được trao phó cho các ngài. Các ngài phải hiện diện trong hoạt động tông đồ của các đoàn thể đó bằng ý kiến khôn ngoan và cổ võ những sáng kiến của chúng. Qua những tiếp xúc thường xuyên với giáo dân, các ngài phải chú tâm tìm kiếm xem những hình thức nào đem lại kết quả hơn cho hoạt động tông đồ. Các ngài phải cố võ tinh thần hiệp nhất ngay trong đoàn thể mình phụ trách cũng như giữa đoàn thể này với các đoàn thể bạn.

Sau hết, các tu sĩ nam nữ phải quý trọng các hoạt động tông đồ của giáo dân. Theo tinh

thần và nội qui của mỗi dòng tu, họ cũng nên sẵn sàng giúp phát triển các hoạt động tông đồ giáo dân ⁶. Họ còn phải ân cần nâng đỡ, trợ lực và bổ túc các công việc của linh mục.

26. Vai hình thức cộng tác. Trong mỗi giáo phận, phải hết sức liệu sao cho có những hội đồng cố vấn gồm các giáo sĩ, tu sĩ cùng cộng tác thích hợp với giáo dân để giúp cho hoạt động tông đồ của Giáo Hội hoặc trong việc rao truyền Phúc Âm và thánh hóa, hoặc trong các công cuộc từ thiện bác ái, xã hội hay các hoạt động khác. Những hội đồng cố vấn này có thể giúp phối hợp hoạt động của các hội đoàn cũng như của các công cuộc tông đồ của giáo dân đang khi vẫn tôn trọng bản chất riêng và quyền tự trị của mỗi hội đoàn ⁷.

Nếu có thể, cũng nên thiết lập những hội đồng cố vấn như thế ở cấp độ giáo xứ, liên giáo xứ, liên giáo phận và ngay cả trên bình diện quốc gia hay quốc tế ⁸.

Hơn nữa, phải thiết lập bên cạnh Tòa Thánh một văn phòng đặc trách hỗ trợ và cổ vũ hoạt động tông đồ giáo dân ^{12*}. Văn phòng này được coi như Trung Ương có đủ phương tiện thích ứng để thông báo những tin tức về những sáng kiến tông đồ của giáo dân, đồng thời nghiên cứu những vấn đề thời đại trong địa hạt này hầu giúp ý kiến cho Hàng Giáo Phẩm và cho chính các giáo dân đang dẫn thân trong hoạt động tông đồ. Các phong trào và các tổ chức tông đồ giáo dân hiện có khắp thế giới phải được coi như những thành phần của văn phòng này, trong đó có cả giáo sĩ, tu sĩ cùng cộng tác với giáo dân.

27. Cộng tác với anh em Kitô giáo và ngoài Kitô giáo. Vì cùng chung một gia sản là Phúc Âm và do đó cùng chung một bốn phận là làm chứng cho Chúa Kitô, người công giáo nên và thường phải cộng tác với các Kitô hữu khác, hoặc cá nhân với cá nhân, hoặc giữa các cộng đoàn Giáo Hội trong các hoạt động cũng như trong các hội đoàn trên bình diện quốc gia hay quốc tế ⁹.

Vì cùng chung những giá trị nhân bản, nên người Kitô hữu đang theo đuổi mục đích tông đồ cũng thường phải cộng tác với những người tuy không theo Kitô giáo ^{13*}, nhưng cũng nhìn nhận những giá trị nhân bản đó.

Nhờ sự cộng tác năng động và khôn ngoan này ¹⁰, sự cộng tác có tầm quan trọng đặc biệt trong các hoạt động thuộc lãnh vực trần thế, người giáo dân làm chứng cho Chúa Kitô, Đấng Cứu Chuộc thế giới và làm chứng cho tình đoàn kết đại đồng của cả gia đình nhân loại.

Chú Thích:

11* Sắc Lệnh đã nói tới nền tảng của nhân vị và cá nhân trong hoạt động tông đồ giáo dân, tới bản tính cộng đoàn và xã hội của Kitô hữu, tới óc sáng kiến và tinh thần tùng phục, tới việc tông đồ cá nhân và có tổ chức. Giờ đây Công Đồng đưa ra một vài tiêu chuẩn để cho các khía cạnh tông đồ này, dầu bề ngoài có vẻ đối nghịch nhau, vẫn hòa hợp với nhau, dựa theo sự khôn ngoan cao đẹp và thánh thiện. Sắc Lệnh xác định rằng Giáo Hội không thể chấp nhận chủ nghĩa duy giáo sĩ hay duy giáo dân; hoặc duy pháp lý hay tình trạng vô trật tự. Tự do của con người và sáng kiến cá nhân phải hòa hợp nhau trong việc tìm kiếm công ích. Quyền bính là để phục vụ nhưng phục vụ qua việc điều khiển hướng dẫn. Vấn nạn trung ương tập quyền hay phân quyền giải quyết được nhờ sự kiện hàng Giáo Phẩm và giáo dân cùng theo đuổi một mục đích nhưng có chức vụ khác nhau với quyền lợi và bốn phận khác nhau.

Cũng thế, tinh thần đoàn thể không có nghĩa là tình trạng lộn xộn hay vô trật tự, nhưng là hành động có tổ chức nhằm tới ích chung. Về phía hàng Giáo Phẩm, các ngài nên có khuynh hướng tôn trọng sáng kiến giáo dân, nhất là trong những lãnh vực chuyên biệt của họ, làm sao cho tất cả mọi người đều tha thiết và lo lắng cho thành quả của việc tông đồ trong tinh thần hiệp thông và phục vụ. Đây là những tiêu chuẩn hướng dẫn việc tông đồ giáo dân:

- Tông đồ giáo dân, cá nhân hay có tổ chức phải ăn nhập với hoạt động tông đồ của toàn thể Giáo Hội, để cho sự hiệp nhất với các mục tử trong Giáo Hội trở thành điều kiện cần thiết cho mọi hoạt động tông đồ.

- Sự cộng tác giữa các tổ chức khác nhau là điều cần thiết và cần được hàng Giáo Phẩm hướng dẫn.

- Sự kính trọng lẫn nhau và sự phân phối xứng hợp trở nên như những điều kiện cấp bách cho việc cổ vũ tinh thần hiệp nhất và bác ái huynh đệ. Công Đồng nhấn nhủ tín hữu cần tránh mọi tinh thần tranh đua bất chính giữa các hội đoàn. Điều kiện này theo Sắc Lệnh, còn

cần thiết hơn nếu có những tổ chức tông đồ giữa các linh mục triều và dòng, tu sĩ và giáo dân.

1 Xem Piô XI, Tđ Quamvis Nostra, 30-4-1936: AAS 28 (1936), trg 160-161.

2 Xem S.C. Concilii, Resolutio Corrienten, 13-11-1920: AAS 13 (1921), trg 137-140.

3 Xem Piô XII, Huấn từ ad II Conventum ex Omnibus Gentibus Laicorum apostilatui provehendo, 5-10-1957: AAS 49 (1957), trg 927.

4 Xem CĐ vat. II, Hiến Chế tín lý về Giáo Hội, số 37: AAS 57 (1965), trg 42-43.

5 Xem Piô XII, Tông huấn Menti Nostrae, 23-9-1950: AAS 42 (1950), trg 660.

6 Xem CĐ Vat. II, Sắc Lệnh về Canh tân thích nghi đời sống dòng tu, số 8.

7 Xem Benedictô XIV, De Synodo Diocesana c. I, III, ch. IX, số VII-VIII: Opera omnia in tomos XVII distributa, bộ XI (Prati 1844), trg 76-77.

8 Xem Piô XI, Tđ Quamvis nostra, 30-4-1936: AAS 28 (1936), trg 160-161.

12* Do tự sắc "Catholicam Christi Ecclesiam" ngày 6 tháng Giêng năm 1967, Đức Phaolô VI chính thức thiết lập Hội Đồng Giáo Dân và Ủy Ban Giáo Hoàng về Công Lý và Hòa Bình.

Đây là một thực hiện cụ thể đối với những điều Công Đồng đã trình bày ở số 26 của Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân và ở số 90 trong Hiến Chế về Giáo Hội trong thế giới ngày nay.

9 Xem Gioan XXIII, Tđ Mater et Magistra, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 456-457. - Xem CĐ Vat. II, Sắc lệnh về Hiệp Nhất, số 12: AAS 57 (1965), trg 99-100.

13* Điều mà Công Đồng thiết tha mong muốn là người giáo dân không nên sống riêng rẽ và khép kín với những người không cùng một đức tin như mình. Công Đồng kêu gọi sự cộng tác "năng động" và "khôn ngoan" của chúng ta với mọi người thiện chí để cùng nhau thăng tiến và cổ vũ những gì chân thật, công bằng, thánh thiện và đáng yêu quý (x. Ph 4,8; TĐ 14); và hãy luôn lưu tâm đến "những gì hiệp nhất hơn là chia rẽ".

10 Xem CĐ Vat. II, Săclệnh về Hiệp Nhất, số 12: AAS 57 (1965), trg 100; x. thêm Hiến Chế tín lý về Giáo Hội, số 5: AAS 57 (1965), trg 19-20.

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

MỪNG NĂM THÁNH 2010, XEM LỊCH SỬ TRUYỀN GIÁO VIỆT NAM (BÀI 10) THÀNH LẬP VÀ TỔ CHỨC 17 GIÁO PHẬN TÔNG TÒA, TỪ 1659 ĐẾN 1959

Trong chỉ thị Super cathedram, ban hành ngày 09.09.1659, đặt để hai Đức Cha Pallu và Lambert làm giám mục tông tòa Đàng Ngoài và Đàng Trong, Đức Thánh Cha Alexandre VII đã đặc biệt tin tưởng các ngài và đã ban cho các ngài nhiều quyền hạn. Không kể việc « *Ta tạo dựng ngài, đặt để ngài và đề cử ngài, làm Đại Diện Tông Tòa trong nước Đàng Ngoài nói trên, với quyền cai quản các tỉnh mà Ta đã nêu lên ở trên* », Đức Thánh Cha còn ban hai quyền quản trị khác, nhưng cũng là những sứ mệnh cam go :

Một là « *Ta ban cho ngài chức năng được nói rộng địa hạt cai quản ra các tỉnh khác, gần với tông tòa của ngài, trong trường hợp mà một trong những Hiên Huynh đáng kính khác của ngài sẽ có thể tử vong hay khiếm khuyết* » ;

Hai là « *Ta còn cho phép ngài được quyền phân chia cho một giám mục khác, nếu ngài thấy rằng đó là điều cần thiết để đáp ứng nhu cầu tinh thần của các giáo dân, hầu để họ khỏi bị không có Mục Tử* ». Cụ thể Đức Thánh Cha cho phép các ngài tạo dựng các giám mục mới và các địa phận mới.

Trong 300 năm Tông Tòa, từ 1659 đến 1960, trải dài qua 4 thế kỷ XVII, XVIII, XIX và XX, bao nhiêu giáo phận mới đã được thành lập ? Lịch sử đã cho ta câu trả lời rất rõ ràng : từ 1659 đến 1959, 17 giáo phận đã được thành lập.

A. Trong 2 thế kỷ XVII & XVIII, ba giáo phận đã được thành lập.

1. 1659, Giáo phận Đàng Trong (Qui Nhơn). Được thiết lập cùng ngày với giáo phận

Đàng Ngoài, ngày 09.09.1659. Lúc đó, giáo phận có khoảng 20.000 giáo dân. Năm 1664, khi cha chính Louis Chevreuil đến Hội An, không kể Đức Cha Lambert, giám quản địa phận, còn kẹt ở Xiêm, trên địa phận chỉ có 3 cha dòng Tên, cha Domenico Fuciti tại triều đình Thuận Hóa, cha Pedro ở Hải Phố và cha F. Ignace Baudet ở Cửa Hàn. Tại Ayuthia, Đức cha Lambert phong chức cho 2 linh mục đầu tiên của địa phận và cũng là 2 linh mục Việt Nam đầu tiên là cha Giuse Trang và Luca Bền. Năm 1671 đức cha đi kinh lý địa phận, lập tu viện Mến Thánh Giá tại An Chỉ, Quảng Ngãi và họp công đồng Đàng trong ở Hải Phố. Bốn năm sau, vào năm 1675, đức cha lại đi kinh lý địa phận lần hai. Ngài mang theo và để lại làm việc trong giáo phận 3 linh mục : cha Bénigne Vachet tại Thuận Hóa, cha Jean de Courtaulin ở Quảng Ngãi và cha Gabriel Bouchard tại Nam Trung Việt. Năm 1844, Đức Cha Etienne-Théodore Cuénot Thể, giám mục thứ 10 của địa phận xin Tòa Thánh phân chia địa phận. Đức Giáo Hoàng Gregorius XVI chia Giáo phận Đàng Trong thành hai giáo phận Đông Đàng Trong (Qui Nhơn) và Tây Đàng Trong (Sài Gòn). Giáo phận Đông Đàng Trong (Qui Nhơn) gồm các tỉnh miền Trung và do Đức Cha Thể coi sóc.

Năm 1960, giáo phận Qui Nhơn được Tòa Thánh nâng lên hàng chính tòa và tiếp tục trao quyền cai quản cho Đức Cha Phêrô Phạm Ngọc Chi, đã bắt đầu từ 1957.

2. 1659, Giáo phận Đàng Ngoài (Hà Nội). Được thành lập ngày 09.09.1659, giáo phận lúc đó có khoảng 80 000 giáo dân. Theo Bentô Thiện, viết trong « Lịch sử nước Anam » (năm 1659), thì lúc đó các giáo dân qui tụ quanh 340 nhà thờ rải rác trên 6 xứ : *"Nghệ an Xứ những nhà thánh thờ đức Chúa trời được bảy mươi lăm nhà thánh. Sơn nam Xứ được một trăm tám mươi ba nhà thánh. Hải dương Xứ được ba mươi bảy nhà thánh. Kinh bắc Xứ được mười lăm nhà thánh. Thanh hoá xứ được hai mươi nhà Thánh. Sơn tây xứ được mười nhà thánh"*. (Trích trong Đỗ Quang Chính, Lịch sử chữ quốc ngữ, Sài Gòn : Đường mới, 1972, tr. 129).

Vào năm 1666, không kể Đức cha Pallu, đại diện tông tòa địa phận, còn kẹt ở Xiêm, trên địa phận chỉ có 2 linh mục : cha chính François Deydier Phan, thừa sai hải ngoại Paris và cha Bernard, dòng capucin. Hai năm sau, 1668, hai tân linh mục Việt Nam đầu tiên của địa phận đã được phong chức : cha Gioan HUỆ và cha Bênêđictô HIỀN.

Năm 1669, Đức Cha Lambert de la Motte, đại diện tông tòa Đàng Trong, giám quản tông tòa Đàng Ngoài, thay mặt đức cha Pallu đang ở Roma, đi kinh lý Địa phận Đàng Ngoài. Tháng giêng năm 1670, Ngài phong chức cho 7 tân linh mục Việt Nam. Đó là các cha : Mactinô MÁT, Giacôbê CHIÊU, Philipê NHÂN, Antôn QUẾ, Simon KIẾN, Lêôn TRỤ và Vitô TRI. Ngày 14 tháng 02 năm 1670, Đức cha Lambert đã mở công Đồng Phổ Hiến, với sự tham dự của 12 linh mục. Rồi ngày thứ tư lễ tro, 19.02.1670, Đức cha nhận lời khẩn của 2 nữ tu Mến Thánh Giá đầu tiên. Đó là chị Agnès và chị Phaolô tại Phổ Hiến, trên một chiếc thuyền neo tại sông Hồng, đối diện với làng Bái Vàng. Hai tu viện Mến Thánh Giá đầu tiên đã được thành lập ở xứ Đàng Ngoài, một ở Kiên Lao, tỉnh Nam Định, nay thuộc địa phận Bùi Chu, một ở Bái Vàng, tỉnh Hà Nam, nay thuộc địa phận Hà Nội.

Năm 1678, Đức Cha Pallu từ Thái Lan về Roma, đề nghị tấn phong giám mục cho 6 linh mục trong số các linh mục tiên khởi. Tiếc rằng đề nghị này đã bị Tòa Thánh bác bỏ. Năm 1679, địa phận Đàng Ngoài có 200.000 giáo dân, nhiều thầy giảng và nữ tu mến thánh giá, 18 linh mục, gồm 11 Việt Nam, 2 cha thừa sai là François Deydier Phan và Jacques de Bourges Gia, 3 cha Daminh và 2 cha dòng Tên. Năm sau, 1679, Đức cha Pallu được Tòa Thánh bổ nhiệm làm giám mục giáo phận Phúc Kiến (Trung Hoa). Ngày 10/06/1683 ngài lên đường nhận nhiệm sở, tới nơi ngày 27/01/1684 và 9 tháng sau, ngày chúa nhật 29.10.1684 Đức Cha qua đời, thọ 58 tuổi.

Trước sự phát triển mau chóng về số lượng giáo dân như vậy, từ 80.000, năm 1659, lên đến 200.000, năm 1679, Đức Giáo Hoàng Innocentê XI chia giáo phận Đàng Ngoài làm hai: Đông Đàng Ngoài và Tây Đàng Ngoài, lấy sông Hồng và sông Lô làm ranh giới. Giáo phận Tây Đàng Ngoài (Hà Nội) được trao cho Đức cha Jacques de Bourges Gia, Thừa sai Hải ngoại Paris, coi sóc. Năm 1753, giáo phận có 131.727 giáo dân, rải rác trong các địa hạt sau đây : Bắc chính với 10.000 giáo dân, Nghệ An với 42.500 giáo dân, Thanh Hóa với 24.039 giáo dân, Tây Nam (Trấn Sơn Nam) với 45.188 giáo dân, Miền Tây (Trấn Sơn Tây) với 7.000 giáo dân, Kê chơ với 3000 giáo dân.

Năm 1950: Đức Cha Giuse Maria Trịnh Như Khuê được tấn phong Giám Mục, và đảm nhận địa phận Hà Nội.

3. 1679, Giáo phận Đông Đàng Ngoài (Hải Phòng). Tân giáo phận được trao cho

Cha chính François Deydier Phan, Thừa sai Hải ngoại Paris, được đặt làm giám mục tiên khởi. Lúc đó toà giám mục thường ở Phố Hiến (tên một cảng nằm trên tả ngạn sông Hồng, do Nhà Lê mở vào cuối thế kỷ, phía Nam thị xã Hưng Yên ngày nay). Sau đời Đức cha Deydier, toà giám mục thường đặt ở vùng Bùi Chu, đôi khi ở Kẻ Sặt, Hải Dương. Theo báo cáo của các cha dòng Tên gửi Đức cha J. de Bourges những nơi các ngài coi sóc (hiện nay nằm trong các giáo phận Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Hoá) năm 1668-1707, có số giáo dân như sau: Đông và An Quảng 3.016; Bắc (Kẻ Noi) 990; Đoài 6.250.

Năm 1693, Đức Cha Deydier mất, Đức Cha De Bourges phải cai quản hai giáo phận. Vì tình trạng thiếu hụt Thừa Sai, nên Đức Cha De Bourges đã nhượng địa phận Đông Đàng Ngoài cho Dòng Đa Minh, trụ sở tại Manila (Phi Luật Tân). Năm 1698, cha Lezoli Cao, Đa Minh, được sắc Tòa Thánh phong làm giám mục đại diện tông tòa, kế vị đức cha Deydier, cai quản địa phận. Ngài được tấn phong tại Kẻ Sặt ngày 02.02.1702, do đức cha Belot, giám mục phó địa phận Tây Đàng Ngoài chủ phong. Nhưng vì làm việc quá sức, ẩn trốn cực khổ, ngài lâm bệnh nặng và mất ngày 18.01.1707. Cha chính Juan de Santa Ceuz Thập được đề cử nắm quyền đại diện tông tòa, rồi được sắc chỉ Tòa Thánh đề ngày 03.04.1716 cử làm giám mục và cử cha Sextri làm giám mục phó. Vào năm 1719, lúc hai đức cha được tấn phong giám mục, giáo phận Đông Đàng Ngoài có tất cả 2 giám mục, 7 linh mục Daminh và khoảng trên 60.000 giáo dân.

Năm 1953, Tòa Thánh chọn Đức Cha Giuse Trương Cao Đại, dòng Đa Minh, làm giám mục cai quản địa phận Hải Phòng, nhưng được hơn một năm thì phải di cư vào Nam. Ngài định cư tại Madrid (Tây Ban Nha) và mất tại đó vào năm 1955.

Ba địa phận trên đây là ba địa phận duy nhất đã được thành lập ở Việt Nam trong thế kỷ XVII. 1659 : Đàng Trong (Qui Nhơn) và Đàng Ngoài (Hà Nội). 1679 : Đàng ngoài được chia đôi thành Tây Đàng Ngoài (Hà Nội) và Đông Đàng Ngoài (Hải Phòng).

Trong suốt thế kỷ XVIII, không một địa phận mới nào đã được thành lập. Lý do chính yếu vì những cấm cản, bắt bớ, giết hại đã bắt đầu. Đạo Công Giáo trở thành bất hợp pháp ở Việt Nam.

Lịch sử Giáo Hội Việt Nam ghi nhớ tất cả 53 Sắc chỉ chính thức do các chúa Trịnh, Nguyễn, do nhà Tây Sơn và do các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức ban hành, nhằm khai trừ và tiêu diệt đạo Công Giáo.

Trong hai thế kỷ 17 và 18, với họ Trịnh (1627-1786), 17 Sắc chỉ đã được ban hành ; với họ Nguyễn (1615-1778), 8 Sắc chỉ đã được ban hành ; rồi dưới triều Tây Sơn (1775-1800), 6 sắc chỉ đã được ban hành. Hậu quả là chừng 30,000 giáo dân đã bị giết hại vì đạo.

Dưới thời Minh Mạng (1820-1840), Thiệu Trị (1840-1847) và Tự Đức (1847-1883), 22 sắc chỉ đã được ban hành, chừng 40,000 tín hữu bị xử tử hay chết trong lao tù.

Với phong trào Văn Thân (1874-1895) có tới trên dưới 60,000 người dân Công Giáo bị sát hại.

Tổng cộng có khoảng 130.000 người bị chết vì đạo.

B. Trong 100 năm của thế kỷ XIX, sáu giáo phận mới đã được thành lập

4. 1844, Giáo phận Tây Đàng Trong (Sài Gòn). Cơn bách đạo ghê gớm thời Minh Mạng (1820-1840) dịu giảm hơn dưới thời Thiệu Trị (1840-1847). Ngày 02.03.1844, Đức Giáo Hoàng Gregorius XVI chia Giáo phận Đàng Trong thành hai giáo phận Đông Đàng Trong (Qui Nhơn) và Tây Đàng Trong (Sài Gòn). Tây Đàng Trong gồm lục tỉnh Nam Kỳ, cho đến hết xứ Cao miên, trao cho Đức Cha Dominique Lefèvre. Năm 1850, sau khi đã tách biệt Cao Miên làm giáo phận mới Nam Vang, Giáo phận Tây Đàng Trong chia làm 12 hạt : Đất Đỏ, Tân Triều, Lái Thiêu, Thủ Đức, Thị Nghè, Chợ Lớn, Thủ Ngũ, Xoài Mít, Cái Nhum, Cái Mơn, Bãi San và Đầm Nước. Chủng viện được lập tại Thị Nghè. Dòng Mến Thánh Giá được lập ở Cái Nhum và Cái Mơn. Gần 100 năm sau, năm 1938, trước khi phân chia Giáo phận mới là Vĩnh Long, Giáo phận Tây Đàng Trong có 82.375 giáo dân, chia làm 13 hạt, 58 giáo xứ và 152 họ lẻ ; do 119 linh mục coi sóc, trong đó 80 linh mục triều, 27 thừa sai và 12 linh mục dòng.

Năm 1955: Đức Cha Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền được tấn phong Giám Mục, và đảm nhận giáo phận Sài Gòn, thay thế Đức Cha Cassaige Sanh từ chức để đi làm tuyên úy Trại Cù

Di Linh.

5. 1846, Giáo phận Nam Đàng Ngoài (Vinh). Giáo phận Tây Đàng Ngoài quá rộng lớn. Ngày 27.03.1846, Đức Giáo Hoàng Gregorius XVI chia đôi : một vẫn giữ tên cũ là Tây Đàng Ngoài, một lấy tên mới là Nam Đàng Ngoài (Vinh), gồm Bồ Chính, Nghệ An, Hà Tĩnh. Giáo phận mới có 1 giám mục là Đức cha Gautier Hậu, 35 linh mục Việt nam, 4 thừa sai, 75 thầy giảng, 69 chủng sinh, 220 nữ tu, 18 giáo xứ với 66.350 giáo dân. Dưới thời Đức cha Hậu, giáo phận tiếp tục phát triển. Năm 1853, số "giáo hạt" đã tăng lên con số 21 (so với trước chỉ có 18), khoảng 465 "giáo xứ", giáo họ với 45 linh mục người Việt. Trong phúc trình năm 1853, Đức Cha Hậu viết: "*Hiện có 2 chủng viện để dạy cho 85 thanh niên tiếng La tinh... Tôi cũng đã gửi 20 thanh niên khác sang chủng viện Pulo-Pinang học*". Từ năm 1868-1869, với sự trợ giúp đặc lực của Ông Nguyễn Trường Tộ, Đức Cha xây dựng cơ sở Tòa Giám Mục tại Xã Đoài.

Năm 1951: Giáo phận Vinh được trao cho đức tân Giám Mục Baotixita Trần Hữu Đức.

6. 1848, Giáo phận Trung Đàng Ngoài (Bùi Chu). Ngày 05.09.1848, Đức Giáo Hoàng Piô IX ban chỉ dụ chia giáo phận Đông Đàng Ngoài (Hải Phòng) làm đôi : một vẫn tên cũ do Đức cha Jéronimô Hermosilla Liêm, OP, coi sóc, với khoảng 45.000 giáo dân, ở rải rác trong 327 xứ đạo ; một lấy tên mới là Giáo Phận Trung Đàng Ngoài (Bùi Chu), gồm tỉnh Nam Định và Hưng Yên, trao cho Đức cha Domingo Marti Gia coi sóc. Gọi là Trung, vì nó nằm giữa Đông (Hải Phòng) và Tây (Hà Nội), giữa Nam (Vinh) và Bắc (Bắc Ninh). Giáo phận mới tuy hẹp đất, nhưng số giáo hữu đông gấp 3 lần giáo phận cũ còn lại. Giáo phận Đông có 45.000 giáo dân, Giáo phận Trung có 139.000 tín hữu. Ngày 29/06/1935: Đức Cha Đa Minh Hồ Ngọc Cẩn, vị giám mục thứ hai Việt Nam được tấn phong tại nhà thờ Phú Cam (Huế). Ngài là Giám Mục phụ tá với quyền kế vị giáo phận Bùi Chu.

Năm 1936, Đức Cha Monagorri mất, Đức Cha Đa Minh chính thức nhận quyền Giám Mục Bùi Chu. Đức Cha Đa Minh mất ngày 27/11/1948 tại Bùi Chu sau 12 năm cai quản giáo phận. Năm 1950: Đức Cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi được tấn phong Giám Mục và đảm nhận giáo phận Bùi Chu.

7. 1850, Giáo phận Bắc Đàng Trong (Huế). Năm 1850 Tòa Thánh tách rời một phần đất của Giáo Phận Đông Đàng Trong (Qui Nhơn) và lập một giáo phận mới, lấy tên là Giáo Phận Bắc Đàng Trong (Huế), gồm hai tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị và nửa tỉnh Quảng Bình. Lúc thành lập, giáo phận có 1 giám mục là Đức cha tiên khởi Marie Pellerin Phan ; 2 linh mục TSHNP, 12 linh mục Việt nam, với 24.000 giáo dân. Tòa giám mục đặt tại Di Loan, sau Đức cha Joseph Hyacinthe Sohier Bình cho dời về Kim Long (1862), rồi đức cha Eugène Marie Allys Lý (1908-1931) lại dời về Phú Cam.

Năm 1960, giáo phận Huế được nâng lên cấp tổng giáo phận và trao quyền cai quản cho Đức Tổng Giám Mục Phêrô Martinô Ngô Đình Thục. Vào năm 1962, TGP Huế có 112 linh mục triều, 50 linh mục dòng, với 100.225 giáo dân, qui tụ trong 85 giáo xứ (có linh mục) và 264 giáo họ (không có linh mục).

8. 1883, Giáo phận Bắc Đàng Ngoài (Bắc Ninh). Giáo phận Đông Đàng Ngoài (Hải Phòng) đã được chia một lần để lập Giáo Phận Trung Đàng Ngoài (Bùi Chu) vào năm 1748. Để việc truyền giáo được phát triển, ngày 29.05.1886, Tòa Thánh lại chia một lần nữa một phần đất từ Giáo Phận Đông Đàng Ngoài để lập Giáo Phận mới, gọi là Giáo Phận Bắc Đàng Ngoài (Bắc Ninh). Giáo phận mới gồm các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Lạng Sơn, Cao Bằng, và một số huyện của các tỉnh Tuyên Quang, Phú Thọ, Hà Giang, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội. Lúc thành lập, giáo phận có : 1 giám mục là đức cha Antonio Colomer Lễ, 17 linh mục triều, 2 linh mục dòng Đa Minh, 3 thừa sai Tây Ban Nha, 15 đại chủng sinh, 22 tiểu chủng sinh, 50 thầy giảng, 8 chị em dòng Mến Thánh Giá, với 35.000 tín hữu, trong 11 giáo xứ và 28 giáo họ.

Năm 1950: Đức tân Giám Mục Đa Minh Hoàng Văn Đoàn được tấn phong Giám Mục tại Rome ngày 3/9/1950, và nhận quyền Giám Mục giáo phận Bắc Ninh.

9. 1895, Giáo phận Đoài (Hưng Hóa) Giáo phận Tây Đàng Ngoài (Hà Nội) đã lập một giáo phận mới vào năm 1846, là Giáo Phận Nam Đàng Ngoài (Vinh). Nay lại chia lần thứ hai. Ngày 15.04.1895, Đức Giáo Hoàng Lêô XIII đã cho tách rời 3 tỉnh Sơn Tây, Hưng Hóa và Tuyên Quang, thuộc Giáo phận Tây, để thành lập một giáo phận mới, lấy tên là Giáo Phận Đoài (Hưng Hóa), cũng gọi là Thượng Du Bắc Kỳ. Đức cha Paul Raymond Lộc được đặt làm

giám mục tiên khởi. Lúc thành lập, giáo phận có 1 giám mục, 24 linh mục (12 thừa sai), 53 tu sĩ, 28 tiểu chủng sinh, 11 giáo xứ, 96 giáo họ. Năm 1938, khi đức cha Lộc nghỉ hưu, địa phận có 64.233 giáo dân, 58 linh mục việt nam, 22 linh mục thừa sai, 42 giáo xứ, 435 giáo họ, 44 người nhà mụ.

Năm 1960, giáo phận Hưng Hóa được Tòa Thánh nâng lên hàng giáo phận chính tòa và trao quyền cai quản cho Đức Cha Phêrô Nguyễn Huy Quang.

C. Trong 60 năm đầu thế kỷ XX, tám giáo phận mới đã được thành lập

10. 1901, Giáo phận Thanh (Phát Diệm). Đây là lần thứ ba, giáo phận Tây Đàng Ngoài (Hà Nội) lập ra giáo phận mới. Ngày 19.04.1901, Đức Giáo Hoàng Lêô XIII ban chiếu thư chia giáo phận Tây Đàng Ngoài làm hai. Một vẫn giữ tên cũ. Một lấy tên mới là Giáo phận Thanh, cũng gọi là Giáo phận Bắc Việt Duyên Hải, gồm hai tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa và Châu Lào, trao cho Đức cha Alexandre J.P. Marcou Thành điều khiển. Khi ấy, Giáo phận Tây Đàng Ngoài đã chia cho Tân Giáo Phận Thanh 48 linh mục việt nam, 21 linh mục thừa sai Pháp, 112 thầy giảng, 18 đại chủng sinh, 145 tiểu chủng sinh, 3 nhà dòng Mến Thánh Giá và 27 xứ đạo, trong đó, 15 trong tỉnh Ninh Bình, 7 trong tỉnh Thanh Hóa, và 5 thuộc Châu Lào, với tổng số 85.000 giáo dân.

Từ ngày 03.12.1924, tất cả các giáo phận đều đổi tên theo địa bàn hành chánh, nơi đặt tòa giám mục, nên Giáo phận Thanh đổi thành giáo phận Phát Diệm.

Ngày 11/6/1933, tại Đền Thánh Phêrô (Roma), Đức Thánh Cha Piô XI đã tấn phong vị Giám Mục tiên khởi cho Giáo Hội Công Giáo Việt Nam là Đức Cha Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông. Ngài là Giám Mục phó với quyền kế vị giáo phận Phát Diệm. Năm 1935, Đức Cha Marcou Thành từ chức, trao quyền Giám Mục giáo phận Phát Diệm cho Đức Cha Nguyễn Bá Tông. Đây là giáo phận thứ nhất được ủy thác cho hàng giáo sĩ Việt Nam. Năm 1950: Đức Cha tiên khởi Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông tạ thế. Năm 1940: Thêm một vị giám mục nữa được tấn phong là Đức Cha Gioan Maria Phan Đình Phùng. Ngài là Giám Mục phụ tá với quyền kế vị địa phận Phát Diệm. Ngài được Tòa Thánh tấn phong Giám Mục vào ngày 3/12/1940. Ngài mất đột ngột vào ngày 28/5/1944 tại tu viện Châu Sơn, Nho Quan. Năm 1945: Sau đệ nhị thế chiến, Tòa Thánh lưu tâm đến việc tuyển chọn hàng giáo sĩ Việt Nam lên phẩm trật Giám Mục để lèo lái con thuyền giáo hội Việt Nam. Tòa Thánh bổ nhiệm giám mục mới: Đức Cha Anselmo Lê Hữu Từ, bấy giờ đang là Bề Trên Đan Viện Xitô Phước Sơn (Nho Quan). Ngài là vị giám mục thứ năm người Việt Nam.

11. 1932, Giáo phận Thanh Hóa. Ngày 07.02.1932, Tòa Thánh ký sắc chỉ thành lập giáo phận Thanh Hóa và cử đức cha Louis de Cooman Hành, giám mục phó Phát Diệm, làm giám mục tiên khởi địa phận mới. Giáo phận Phát Diệm chia cho Giáo Phận Thanh Hóa 26 linh mục thừa sai, 48 linh mục việt nam, 82 thầy giảng, 18 giáo xứ, với chừng 45.000 giáo dân người việt và 5.000 người dân tộc. Lúc đó, giáo phận đã có nhà thờ chính tòa, nhà chung (tòa giám mục), một trường tiểu chủng viện tại Hữu Lễ, một trường tập tại Ba Làng, , 4 dòng tu : dòng Kín, dòng Mến Thánh Giá, dòng Đức Bà Truyền Giáo, dòng Phanxicô. Ngoài ra giáo phận mới còn có 1 trại phong, 1 nhà thương, 1 nhà dục anh. Sau này còn có thêm trường trung học Nhà Chung.

Ngày 17/03/1959, cha Tổng quản Phêrô Phạm Tần nhận sắc phong giám mục đại diện tông tòa, cai quản giáo phận Thanh Hóa, rồi ngày 24/11/1960 được sắc phong giám mục chính tòa, nhưng mãi đến ngày 26/06/1975, ngài mới được tấn phong giám mục.

12. 1932, Giáo phận Kontum. Ngày 18.01.1932, Tòa Thánh đã công bố nghị định thành lập Giáo Phận Kon Tum, tách từ giáo phận mẹ Qui Nhơn, gồm các tỉnh Kontum, Pleiku, Daklăc và Attápư (Hà Lào). Cha Bề trên Martial Jannin Phước được bổ nhiệm làm giám mục tiên khởi. Ngài đặc biệt lưu tâm đến việc truyền giáo. Công việc đầu tiên là ngài xây chủng viện thừa sai. Ngài lai cho thực hiện nhà in, phát hành báo *Mlabar Tobang*, *Chức dịch Thơ Tín* (1933), *Les Echos* (1941), sau đổi thành *Dư Âm*, rồi *Tiếng Vang* (1968),...

Năm 1960, giáo phận được Tòa Thánh nâng lên hàng chính tòa và tiếp tục trao quyền cai quản cho Đức cha Paul Léo Seitz Kim, đã bắt đầu từ 1952. Năm 1975 vị giám mục việt nam đầu tiên được bổ nhiệm cai quản địa phận Kon Tum là Đức cha Alexis Phạm Văn Lộc.

13. 1936, Giáo phận Thái Bình. Ngày 09-03-1936, Đức Giáo Hoàng Piô XI ban Sắc chỉ *Praecipuas inter Apostolicas* thành lập giáo phận Thái Bình tách rời khỏi giáo phận Bùi Chu

gồm hai tỉnh Thái Bình và Hưng Yên. Ba tháng sau, ngày 15-6-1936, Tòa Thánh bổ nhiệm cha Jean Casado Obispo Thuận, dòng Đa Minh (Tây Ban Nha) làm giám mục đại diện tông tòa tiên khởi của Thái Bình. Tất cả các thừa sai Đa Minh người Tây Ban Nha đều rời Bùi Chu sang nhập vào giáo phận mới.

Năm 1936, giáo phận Thái Bình có: 1 giám mục, 25 linh mục Tây Ban Nha, 57 linh mục Việt Nam, 333 thầy giảng, 12 sư huynh La San, 10 nữ tu dòng Saint Paul de Chartres, 280 di phước Đa Minh, 140.000 giáo hữu trong 50 giáo xứ và 522 giáo họ, dưới sự cai quản của Đức cha Santos Ubierna Ninh (1942-1955).

Năm 1960, Giáo phận Thái Bình được Tòa Thánh nâng lên hàng chính tòa và trao quyền cai quản cho Đức cha Đa Minh Đình Đức Trụ.

14. 1938, Giáo phận Vĩnh Long. Ngày 08-01-1938, Tòa Thánh ra sắc chỉ thành lập giáo phận Vĩnh Long, bao gồm các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre và phần đất nằm ở tả ngạn sông Hậu, tức tỉnh Sa Đéc sau này, và cử Cha Phêrô Ngô Đình Thục (Huế) làm Giám mục. Hiện tình, giáo phận Vĩnh Long nằm trọn trong các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre và một phần của tỉnh Đồng Tháp.

Khi được thành lập, năm 1938, Giáo phận gồm có : 45.318 giáo dân ; 07 giáo xứ chính, 28 giáo xứ phụ, 106 họ đạo, 34 nhà thờ, 93 nhà nguyện ; 01 Giám mục Đại diện Tông tòa ; 03 linh mục người nước ngoài, 47 linh mục Việt Nam ; 43 nam tu sĩ, 338 nữ tu (*có 12 nữ tu dòng nước ngoài*).

15. 1939, Giáo phận Lạng Sơn. 1939 Phủ doãn Tông toà Lạng Sơn, Cao Bằng, do Đức Ông Bertrand Cothonay Chiểu, Đa Minh, trách nhiệm từ năm 1913. (31-12), được nâng lên thành Giáo phận Lạng Sơn, do Đức Cha Félix Maurice Hedde Minh, Đa Minh, điều khiển. Vào năm 1945, giáo phận có khoảng 5.000 giáo dân. Số người Nùng xin nhập đạo đông hơn người Tày. Năm 1954, có 26 giáo xứ và 26 nhà thờ. Nhưng một nửa di cư vào Nam ; Sau đó, chỉ còn lại 11 giáo xứ và 14 nhà thờ.

Năm 1959, Tòa Thánh đặt cha Vinh Sơn Phạm Văn Dụ làm tổng quản, rồi ngày 05/03/1960 làm giám mục coi sóc giáo phận.

16. 1955, Giáo phận Cần Thơ. Năm 1955: Giáo Phận Cần Thơ được thành lập và được giao cho đức tân Giám Mục Phaolô Nguyễn Văn Bình. Ngài sinh tại Tân Định ngày 1/9/1910, gia nhập tiểu chủng viện Sài Gòn năm 1922. Năm 1932, Đức Cha Dumortier gửi ngài qua Rome theo học trường Truyền Giáo, và thụ phong linh mục năm 1937. Trước khi Tòa Thánh chọn Ngài làm Giám Mục, cha Bình lần lượt giữ các chức vụ như: giáo sư chủng viện (1943), tuyên úy các sư huynh Sài Gòn. Năm 1948, thực hiện tờ báo Tông Đồ, cha xứ họ Cầu Đất. Ngày 20/9/1955, Tòa Thánh chọn ngài làm Giám Mục cai quản tân giáo phận Cần Thơ. Năm 1960, Đức Cha Phaolô Nguyễn Văn Bình chuyển về Sài Gòn và làm Tổng Giám Mục địa phận Sài Gòn cho đến ngày qua đời.

17. 1957, Giáo phận Nha Trang. Ngày 05/07/1957 với Tông sắc Crescit Laetissimo, Đức Thánh Cha Piô XII đã thành lập Giáo phận Nha Trang, gồm 2 tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận (trước thuộc Giáo phận Qui Nhơn và 2 tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy (trước thuộc Giáo phận Sài Gòn), và đã bổ nhiệm Đức Cha Marcel Piquet Lợi làm Giám Mục tiên khởi của Giáo Phận. Khi thành lập, Giáo Phận Nha Trang có 90 linh mục và 72.199 giáo dân.

Ngày 04/05/1967, Tòa Thánh đặt cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận làm giám mục chính tòa Nha Trang, thay cho Đức cha Marcel Piquet đã qua đời ngày 11/07/1966.

LỜI KẾT

Ở Bắc Hà, từ giáo phận tiên khởi Đàng Ngoài (Hà Nội, 1659), 9 giáo phận mới khác đã được thành lập : Hải Phòng (1679), Vinh (1846), Bùi chu (1848), Bắc Ninh (1883), Hưng Hóa (1895), Phát Diệm (1901), Thanh Hóa (1932), Thái Bình (1936), Lạng Sơn (1939).

Ở Nam Hà, từ giáo phận đầu tiên là Đàng Trong (Qui Nhơn, 1659), 6 địa phận mới đã được thành lập : Sài gòn (1844), Huế (1850), Kontum 1932), Vĩnh Long (1936), Cần Thơ (1955), Nha Trang (1957).

Ngày 24.11.1960, với sắc chỉ Venerabilium Nostrorum, Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đã

quyết định thiết lập Hàng Giáo Phẩm Việt Nam với 3 Giáo tỉnh Hà Nội - Huế - Saigon. Ba địa phận mới đã được thành lập : Đà Lạt, Mỹ Tho và Long Xuyên.

Từ 1960 đến nay, 6 địa phận mới khác nữa đã được thiết lập. Vị chi hiện nay, 2010, Giáo Hội Việt Nam có 26 giáo Phận, qui tụ trong 3 Tổng Giáo Phận.

Tổng Giáo Phận Hà Nội có 10 giáo phận là : Hà Nội (1659), Hải Phòng (1679), Vinh (1846), Bùi chu (1848), Bắc Ninh (1883), Hưng Hóa (1895), Phát Diệm (1901), Thanh Hóa (1932), Thái Bình (1936), Lạng Sơn (1939).

Tổng Giáo Phận Huế có 6 giáo phận là : Huế (1850), Qui Nhơn (1659), Kon Tum (1932), Nha Trang (1957), Đà Nẵng (1963), Ban Mê Thuột (1967).

Tổng Giáo Phận TP Hồ Chí Minh có 10 giáo phận là TP Hồ Chí Minh (1844), Vĩnh Long (1936), Cần Thơ (1955), Đà Lạt (1960), Mỹ Tho (1960), Long Xuyên (1960), Xuân Lộc (1965), Phú Cường (1965), Phan Thiết (1975), Bà Rịa (2005).

Một sự kiện rất mạnh đập vào mắt bất cứ người đọc nào là sự kiện rằng : Thời TÔNG TÒA các Giáo Phận Miền Bắc rất đông về số và mạnh về người. Thời CHÍNH TÒA, từ 1960 đến nay. số Địa Phận của Miền Bắc vẫn là 10, nhưng số giáo dân chuyển hẳn về Miền Nam khiến số các địa phận trong miền Nam, từ 5 vào năm 1954, đã lên đến 16 vào năm 2005.

Có điều là thủ đô của Việt Nam là Hà Nội. Mọi quyết định quan trọng của quốc gia đều được lấy trong các cơ quan đầu não ở Hà Nội. Làm sao để giáo dân miền Bắc được đông đảo hơn ? được góp mặt, góp tiếng, góp tài, góp lực phụng sự quốc gia nhiều hơn, thường hơn và hữu hiệu hơn ? Làm sao để Giáo hội là giáo hội ở trần thế, không thuộc về thế trần, nhưng nhập cuộc hữu hiệu hơn ?

Paris, ngày 25 tháng 02 năm 2009

Trần Văn Cảnh

VỀ MỤC LỤC

ĐẠO ĐỨC TRONG XÃ HỘI HÔM NAY

Sáng nay đọc báo (thứ sáu 12/3/2010), trang "Nhịp sống trẻ" báo Tuổi Trẻ số ra ngày thứ sáu 12 tháng 3 năm 2010, góc trên bên phải trang 11 có bài "Clip nữ sinh bị đánh gây xôn xao", phần "sổ tay" ngay dưới bài báo có bài "Lạnh lùng".

Chuyện nữ sinh bắt đồng gây nhau ngoài đường, xử lý nhau bằng bạo lực, bạn bè đồng trang lứa và khách qua đường thản nhiên lạnh lùng là chuyện thường ngày hôm nay trong xã hội của chúng ta. Nguy hơn nữa là giới trẻ nam, xử nhau bằng bạo lực với đầy đủ các "đồ chơi" giết người cũng lại là chuyện thường. Hôm qua, cũng báo Tuổi Trẻ và nhiều tờ báo khác đưa tin, một nhóm thanh niên xử nhau bằng dao và súng, nguyên văn bài báo dùng chữ "chó lửa".

Lẽ ra tuổi thiếu niên, quãng đời học trò phải là một quãng đời thơ mộng, đầy ấp ước mơ, tràn trề lý tưởng, quận sôi nhiệt huyết, trong sáng và tinh khôi. Nhưng những nét đẹp đó không còn cho tuổi hoa niên của thế hệ Việt Nam hôm nay. Cũng sáng nay, tôi đến thăm nhà Giêrado, nơi nuôi dưỡng những người phụ nữ lâm cảnh ngặt nghèo, bị bỏ rơi, không nơi nương tựa, trong ánh mắt và gương mặt của những người đang cư trú nơi đó, tôi gặp một ánh mắt rất ngây dại, thai nhi đã khá to khiến cô bé vất vả để cưu mang đứa bé, tôi hỏi tuổi, cô bé hồn nhiên trả lời "Con 13" ! Lúc đó tôi cảm thấy choáng váng, tuổi 13 đây sao ?

Ngày xưa, Ngô Thụy Miên đã nói về tuổi 13 của thế hệ chúng tôi đẹp lắm, cổ bé 13 như nụ tầm xuân vừa hé, đẹp thánh thiện nhiệm mầu, ngập tràn nắng xuân thì làm đắm say lòng người, gã nghệ sĩ si tình ngây người chiêm ngưỡng huyền nhiệm tuổi hoa niên. Thế thôi, tình cảm thăng hoa, cảm xúc dâng tràn, ý thơ dạt dào, tất cả cho Ngô Thụy Miên dệt nhạc, những giai điệu trữ tình cho mãi đến tuổi già vẫn còn vương vấn. sáng nay trong khóe mắt cô bé

tuổi 13, một giọt lệ long lanh chảy dài xuống gương mặt lạnh lùng vô cảm.

Khi viết những dòng chữ này, tôi biết ơn các thế hệ cha anh chúng tôi, các vị đã gây dựng cho chúng tôi một phong cách sống rất đẹp về con người, về cái chân, cái thiện và cái mỹ, tôi biết ơn các nhà giáo dục, biết ơn các văn nghệ sĩ đã xây dựng cho chúng tôi một bầu khí thánh thiện, trong sáng và bình an. Tôi biết ơn cha mẹ đã cứng rắn, cương quyết nhưng rất nhân hậu đã xây dựng cho chúng tôi một kỷ cương sống lành mạnh và khát khao tiến bộ.

Khi viết những dòng chữ này tôi cũng cảm thấy ân hận day dứt, ân hận và day dứt vì thế hệ chúng tôi đã không cho các bạn trẻ những gì chúng tôi đã nhận được từ các thế hệ cha anh, thậm chí chính chúng tôi đã dạy và đã làm gương mù gương xấu cho các em, chúng tôi đã đu mình vào trong vòng tranh dành vật chất, lấy sự hưởng thụ làm đích nhắm, lấy gian tà là chuẩn mực lấy sự dối trá làm tài năng, lấy bạo hành làm phong cách ứng xử. Hơn 30 năm đi qua, giật mình chúng tôi nhận ra mình đã quá lún sâu trong vũng lầy, kéo theo nhiều thế hệ tuột dốc, xã hội vỡ ra như một khối ung hết đường chữa chạy. Phải làm sao bây giờ ?

Tôi viết những dòng này như những lời sám hối, dẫu có muộn màng cũng xin được nói một lời, xin Thiên Chúa nhân từ giàu lòng xót thương tha cho sự lỗi lầm, xin các em, những nạn nhân của thời đại tha cho chúng tôi, những con người bất xứng, bất tài, xin thế hệ cha anh thứ tha cho chúng tôi, những con người hèn kém vô dụng.

Chúng ta hãy làm một cái gì đó có thể làm được để chuộc lỗi của chúng ta, không mong gì làm thay đổi thời cuộc vận mệnh, nhưng hoàn toàn tin vào quyền năng của Chúa, một khi nhận được vài cái bánh nhỏ bé hay đôi ba con cá gầy guộc, Chúa sẽ làm nên việc diệu kỳ mà không ai trong chúng ta có thể làm được hay ước mơ.

Lạy Chúa con tin tưởng nơi Ngài.

Lm. Vĩnh Sang, dcct Mùa Chay 2010

VỀ MỤC LỤC

NĂM THÁNH 2010 (3) SÁM HỐI

"Anh em hãy sám hối, vì Nước Trời đã đến gần"(Mt. 3:2).

Một cha bề trên đang đi dạo với các đệ tử, một em trong nhóm hỏi: Thưa cha, khi nào người ta nên hối cải? Cha bề trên trả lời cách nhẹ nhàng: "Con hãy bảo đảm rằng con sẽ hối cải vào ngày sau cùng của cuộc đời". Nhưng rồi có vài em khác phản kháng lại, chúng ta không bao giờ biết được ngày giờ nào là ngày sau cùng của cuộc đời. Cha bề trên cười và nói: "Cách đơn giản nhất là hãy hối cải ngay bây giờ". Mùa chay là mùa sám hối. Sám hối là nhận biết lỗi lầm của mình, rồi hối lỗi và xin tha lỗi, sau cùng là sửa lỗi để nên hoàn thiện. Mùa chay đưa dẫn chúng ta trở về với Chúa và về với lòng mình. Nếu lòng chúng ta đầy ứ những lo lắng và bận bịu trong cuộc sống bên ngoài, vậy còn chỗ đâu cho chính chúng ta. Chúng ta hãy dừng lại đôi chút và tìm nơi thanh vắng để vui hưởng sự thanh thoi, thư giãn và tìm nhìn lại chính mình.

1. Biết Mình

Mùa chay là thời gian trở về. Chúng ta cần có những giây phút tĩnh lặng giúp suy tư và xét mình để nhận diện con người thật của mình. Truyện kể rằng những người hàng xóm thấy Nasruddin đang bò dưới đất. Một người hỏi: anh đang tìm gì thế? Ông trả lời: Tìm cái chìa khóa của tôi. Và cả hai người cùng bò xuống đất đi tìm. Tìm một hồi, không thấy, người hàng xóm hỏi: Anh mất chìa khóa ở đâu vậy? Nasruddin trả lời: Tôi mất chìa khóa tại nhà. Người bạn hỏi: Vậy chứ tại sao ông lại tìm chìa khóa ở đây? Ông trả lời: Bởi vì ở đây có nhiều ánh sáng hơn. Truyện lạ! Làm sao tìm được đồ vật đã mất nơi một địa điểm không liên quan gì cả. Mất ở đâu phải tìm ở nơi đó chứ. Chúng ta chỉ tìm đồ vật đã mất nơi chúng ta không biết chính xác khi có nhiều lý do để nghi ngờ thôi.

Đôi khi chúng ta nghĩ rằng cuộc sống của chúng ta không có vấn đề gì cả. Chúng ta vẫn

chu toàn tốt mọi công việc hàng ngày. Sống yên vui trong tổ ấm gia đình của chúng ta. Chúng ta sống trọn vẹn mọi giây phút có được trong cuộc sống. Chúng ta nghĩ rằng chúng ta đang sống trọn hảo. Nhưng chúng ta có biết đâu rằng, hầu như trong mọi lúc chúng ta đều bị cuốn hút vào một cái gì đó. Những hành động lặp đi lặp lại nhiều lần trở thành thói quen và chúng ta không còn nhận ra cái sai hay sự phiền hà mà chúng ta đang gây ra cho người khác. Như khi lái xe hay khi đi đường, chúng ta nghe nhạc lớn hoặc nói chuyện phôn to. Chúng ta có nghĩ rằng chúng ta làm phiền người khác không? Khi chúng ta đi làm về nhà, chúng ta lại tự động mở máy vi tính hay truyền hình xem tin tức, thể thao và các mục chúng ta ưa thích nhưng chúng ta quên đi là chúng ta đang sống trong một gia đình. Chúng ta nên biết là cần phải tế nhị chia sẻ niềm vui với người khác.

2. Hoàn Cảnh Sống

Mỗi người chúng ta sinh sống ở những môi trường và hoàn cảnh khác nhau. Có người sống trong đời sống gia đình, có mẹ có cha và anh chị em. Có người sống riêng rẽ một mình, có người sống trong cộng đoàn lớn hoặc nhỏ hoặc có những người sống đời âm thầm lặng lẽ nơi cô tịch Chùa Chiền hay Tu Viện. Có những người sống công khai và suốt ngày phải đối diện với xã hội bên ngoài. Nhìn vào cuộc sống riêng của mình để tìm ra chỗ đứng của mình trong các sinh hoạt qua sự thành công hay thất bại và cả những lỗi lầm mình đã đang phạm phải. Tìm về nơi mình sinh sống để biết được con người thật của mình. Nơi đây sẽ giúp chúng ta xét mình và dễ dàng nhận diện ra mình để sám hối. Những lỗi lầm không xa lạ xảy ra hàng ngày và có thể lặp đi lặp lại. Thí dụ: những người sống trong bậc gia đình, chúng ta sống và đối diện với chính những người thân nhất. Chúng ta đã nghĩ gì, nói gì và làm gì hoặc không làm điều gì để phải phật lòng hay buồn phiền người khác. Môi trường gia đình giúp chúng ta xét đến các việc bốn phận của mình đối với ông bà, cha mẹ, anh chị em, con cái và cháu chắt trong nhà. Con cái đã làm điều chi mắc lỗi với bề trên như ông bà, cha mẹ, anh chị, cô dì chú bác của mình. Từ tổ ấm gia đình, chúng ta sẽ tìm thấy cái chìa khóa đã mất. Hãy hối lỗi và xin ơn tha thứ.

3. Về Nguồn

Những lỗi lầm chúng ta thường phạm xảy ra ở đâu? Có thể là nơi phòng khách, phòng ăn, phòng làm việc hay phòng ngủ? Thái độ cộc cằn hay những cơn cáu gắt của chúng ta thường lặp đi, lặp lại ở những nơi nào? Chúng ta có thể bị cáu gắt hay phạm những tội lỗi như nhìn xem những phim ảnh vô luân và kiêu dâm trên đài truyền hình hoặc trước màn ảnh vi tính hay là qua những cuộn phim lô cuốn nào đó. Lỗi phạm cũng có thể xảy ra nơi chúng ta đang làm việc như tại bàn giấy, nơi phòng giao tiếp khách hàng. Qua những cách thức xử, bàn bạc công việc làm ăn, tính toán sổ sách, gian lận thuế má liên quan đến sự công bằng xã hội...nơi đây là môi trường làm ăn. Chúng ta thường hành xử thế nào?

Tiếp đến là các học sinh, sinh viên và nhà giáo trách nhiệm thế nào nơi Học Đường? Sự liên hệ phái tính, ngay thẳng trong bài vở, ghen tị qua khả năng, đối chọi về tôn giáo, phân biệt về văn hóa và chủng tộc và công bằng đối xử với nhau ra sao? Những đòi hỏi của sự chọn lựa văn hóa sự sống hay sự chết, liên hệ bạn bè, thói hư tật xấu như hút sách, chơi bời, phá phách hay dung tục luân lý thế nào? Ngoài xã hội, những nơi công cộng như ngoài công viên, trên đường phố, nơi siêu thị, trên xe lửa, xe bus hay những chuyến chở công cộng,... nơi chúng ta đặt chân đến, chúng ta đã để lại dấu vết gì?

Trong các nơi thờ phượng, nhà thờ, nhà nguyện, nơi hành hương và chỗ tụ họp đọc kinh cầu nguyện. Chúng ta cư xử với nhau thế nào? Dùng lời lẽ ra sao? Chúng ta có nhìn nhận nhau như là anh chị em con cùng một Cha, có cùng một đức tin, một niềm hy vọng và có tôn trọng lẫn nhau không? Thường thường chúng ta có ba nơi mà chúng ta thường xuyên có mặt: ở nhà, nơi làm việc hoặc trường học và nhà thờ.

Xét mình cuộc sống qua những nơi chúng ta đã đến, đã làm việc và những người mà chúng ta đã gặp. Khi chúng ta nhận diện ra được những yếu điểm của mình, chúng ta có thể bắt đầu có một thái độ khác trong cư xử và sự chọn lựa cách sống. Con người chúng ta dễ thường hưởng chiều về sự dữ và làm điều xấu gọi là bản năng. Đôi khi chính chúng ta tự tìm đến những cơn cáu gắt và mở cửa cho thần dữ xâm nhập. Có khi chúng ta bị đặt vào trong những hoàn cảnh éo le khó tránh các cơn cáu gắt. Đôi khi chúng ta không đủ sức chống lại cơn cáu gắt và bị chìm đắm, nghiện ngập trong các cám dỗ về đàng xấu. Thường thì chúng ta sẽ thua cuộc trong các cơn cáu gắt, nhất là về sự tham lam và dục tình.

4. Tự Kiểm

Truyện kể có một người phụ nữ chuẩn bị rời nhà đi làm việc. Công việc của cô rất quan

trọng, cô sẽ xuất hiện trên truyền tin để đưa tin tức mỗi ngày. Sự xuất hiện của cô đòi buộc cô phải rất cẩn thận trong cách trang phục. Thói quen mỗi buổi sáng, trước khi ra ngoài, lần cuối cùng cô ngó qua chiếc gương lớn và cẩn thận xem lại khuôn mặt mình, tóc tai và y phục cho xứng hợp. Cô hoàn toàn thỏa mãn với y phục và các trang sức của mình và cô nói: Bây giờ cô sẵn sàng đối diện với một ngày mới. Nhưng rồi trong thâm tâm của cô, một tiếng nói thì thầm bỗng hiện lên trong đầu: Những trang phục bên ngoài của cô đã sẵn sàng nhưng còn con người bên trong của cô thì thế nào? Cô đã có điểm tâm cho thân xác, nhưng cô đã có gì dưỡng nuôi cho tâm hồn và thần trí của cô không? Làm thế nào để đối diện qua con người thật của cô trong ngày mới? Bao nhiêu cay đắng, thù ghét, ghen tị, giận hờn mà cô đang mang theo với cô vào đời. Có những điều xấu có thể sẽ đổ trên đầu trên cổ những người chung quanh khi cô gặp gỡ họ?

Chúng ta đang sống trong thế giới xô bồ và lẫn lộn các giá trị luân lý đạo đức. Biết rằng hành trình cuộc sống của chúng ta được kết dệt bằng những lựa chọn không ngừng. Đôi khi chúng ta không biết lựa chọn thế nào cho đúng: giữa thiện và ác, giữa đúng và sai và giữa xấu và tốt. Đôi khi làm chúng ta phải so đo tính toán và rất khó quyết định giữa hai khoảng cách này. Chúng ta không thể buông xuôi theo thị yếu và sự đòi hỏi của nhu cầu cuộc sống. Chúng ta cần có những suy nghĩ đúng đắn và phân biệt thế nào là tốt, xấu và đúng, sai. Mỗi một quyết định chọn lựa của chúng ta, chúng ta phải trả giá và chịu trách nhiệm. Chúng ta không thể đổ thừa cho hoàn cảnh hay môi trường sống.

5. Sự Thay Đổi

Ma quỷ cám dỗ rất khôn khéo. Từng bước dẫn ta vào đường lầm lạc. Bà Evà đã bị trúng kế của ma quỷ về sự cám dỗ. Bà đi từ việc muốn ăn trái cấm tới việc kiêu ngạo muốn được biết mọi sự bằng Thiên Chúa. Truyện kể về họa sĩ Leonardo de Vinci, khi ông vẽ bức họa nổi tiếng "Bữa Tiệc Ly". Ông đã chọn một người bạn trẻ đẹp trai tên là Pietri Bandenelli, làm người mẫu để vẽ hình Chúa Giêsu. Bức vẽ phải mất mấy năm mới có thể hoàn thành. Nhân vật sau cùng là Giuđa. Họa sĩ đã đi tìm khắp hang cùng ngõ hẻm, cả những nơi sào huyệt tội lỗi, để kiếm người làm mẫu vẽ khuôn mặt của Giuđa. Sau cùng, ông đã tìm được một người vừa ý, anh chàng tiểu tụy và xấu xa ghê tởm. Khi ông đang vẽ, Leonardo cảm nhận có một cái gì quen quen với người này và ông đã hỏi chàng thanh niên rằng hình như chúng ta đã gặp nhau trước đây. Anh ta nói: Phải, chúng ta đã gặp nhưng đã có nhiều đổi thay trong đời tôi từ ngày đó. Anh nói rằng tên của tôi là Bandenelli, là người đã làm mẫu vẽ hình Chúa Giêsu trước đây.

Cuộc đời thay đổi nhưng chúng ta biết rằng, hiện bây giờ mỗi người đều còn có cơ hội đổi thay từ Giuđa trở thành Giêsu. Chúng ta hãy tỉnh thức cầu nguyện luôn, xin Chúa đừng để chúng con xa chúc cám dỗ. Biết rằng chúng ta không thể tránh các cơn cám dỗ trong cuộc sống. Phải phấn đấu và thắng vượt các cơn cám dỗ, chúng ta sẽ được hưởng phước bên Chúa. Muốn thắng vượt các cơn cám dỗ, chúng ta không thể cậy dựa vào sức riêng mình mà cậy dựa vào ơn Chúa. Chúng ta hãy cầu xin Thần Khí của Chúa thanh tẩy và rửa sạch tâm hồn. Vua thánh David đã cảm nhận được sự yếu đuối và xấu xa tội lỗi của mình, ngài đã nài xin Chúa tẩy sạch tâm hồn như nhọp: Xin dùng cành hương thảo rửa nước thanh tẩy con, con sẽ được tinh tuyền; xin rửa con cho sạch, con sẽ trắng hơn tuyết (Tv. 51:9).

6. Ăn Năn

Truyện kể rằng: Ngày xưa, khi xã hội loài người chưa được phát triển, các hình phạt dành cho các tội nhân rất khắc nghiệt. Có một người đàn ông ăn trộm con cừu, ông đã bị đóng dấu trên trán chữ ST (sheep stealer) cho mọi người nhận diện. Sau đó, ông đã hối cải trở về cùng Chúa và dành hết giờ để phục vụ mọi người láng giềng. Khi ông về già, nhiều người rất quý mến và tôn trọng ông. Khi các con cái, cháu chắt trong làng hỏi cha mẹ của chúng, chữ ST trên trán ông cụ có nghĩa gì? Cha mẹ chúng nói rằng đó là chữ Thánh (Saint).

Sự cám dỗ đưa đẩy chúng ta vào những việc sai trái mà đôi khi chúng ta không hay biết. Cứ thế chúng ta an vui tự tại trong cách suy nghĩ và cách sống của mình. Những cám dỗ thường ngày rất nhẹ nhàng và tinh tế. Chúng ta rất khó để phân biệt thiện hay ác. Khi chúng ta sa phạm tội lỗi thì chúng ta chỉ nghĩ là vui chơi tí thôi, đâu có hại chi và cứ thế chúng ta chìm ngập trong tội lúc nào không hay. Nhớ câu truyện con ếch ngồi trong nồi nước. Nếu chúng ta bỏ một con ếch vào trong một nồi nước lạnh, rồi đem đun sôi từ từ. Nước nóng dần, con ếch vẫn cảm thấy thoải mái nằm yên hưởng phước và rồi từ từ nước nóng sôi lên, chú ếch chết lúc nào không hay biết.

7. Sám Hối Trở Về

Chúa mời gọi chúng ta: "*Thời giờ đã mãn, hãy sám hối và tin vào Tin Mừng*". Hãy sám hối, chúng ta đã nghe đi nghe lại biết bao nhiêu lần, nhưng chúng ta thực sự sám hối được gì. Muốn sám hối trước tiên chúng ta phải nhận biết mình. Biết mình đang ở đâu và tâm hồn mình đang trong tình trạng nào? Biết mình rồi, chúng ta có muốn sửa mình hay không? Sửa mình là phải bỏ mình. Bỏ mình thì không dễ. Bỏ thì rất đau và tiếc nuối. Tiếc những thói hư đã nhiễm. Tiếc những tội đã làm chúng ta nghiện. Tiếc những giây phút ân ái nhẹ nhàng khoan khoái. Chúng ta tiếc thương cho tội phải chữa và phải bỏ đi. Chúng ta muốn nên hoàn thiện đòi hỏi là thế đó. Phải dứt khoát chữa bỏ thôi!

Sám hối là sửa mình và đổi mới con người. Sống theo lời mời gọi của Tin mừng. Muốn có một khởi đầu tốt, tiên vàn chúng ta phải tìm nơi thanh tịnh, xét mình và cầu nguyện. Có ơn Chúa phù trì, chúng ta có thể từng bước đổi thay cách sống và cuộc sống của chúng ta thành con người mới trong Chúa Kitô. Thánh Vịnh 51 là một bài ca tuyệt vời nói về lòng nhân hậu của Chúa đối với những tâm hồn tội lỗi sám hối trở về: Lạy Chúa Trời, xin tạo cho con một tấm lòng trong trắng, đổi mới tinh thần cho con nên chung thủy (Tv. 51:12).

8. ĐỪNG TRÌ HOÃN

Những điều gì chúng ta có thể thực hiện được trong ngày hôm nay, đừng để tới ngày mai. Mỗi ngày có những niềm vui và nỗi buồn của nó. Chúng ta biết rằng những gì đã qua là quá khứ, chúng ta không thể làm gì với quá khứ nữa. Ngày mai thì chưa tới, chúng ta có thể dự tính nhiều việc cho ngày mai, nhưng thời gian vẫn là tương lai. Chúng ta có thể vui thú nghĩ về và nói về ngày mai nhưng chúng ta không thể sống khoảng thời gian chưa tới. Vậy mỗi giây phút hiện tại vẫn là món quà quý báu nhất mà chúng ta có được. Trong giây phút hiện tại chúng ta vẫn có thể nhớ về quá khứ và hướng tới tương lai nhưng chúng ta vui vì chúng ta biết rằng mình đang hiện hữu và đang sống. Từng giây phút nỗ lực làm cho đời của chúng ta thêm trưởng thành, khôn ngoan và kinh nghiệm. Chúng ta đừng để lỡ một giây phút nào mà chúng ta không sống. Có nghĩa là đừng để thời gian qua đi một cách vô ích.

Truyện kể rằng: Ngày xưa Archias là vua dân Thêba. Ngày đó, trong triều đình có một nhóm triều thần lập mưu ám hại ông. Một hôm bọn họ lén vào trong thành nhưng có một người bạn thân của vua hay cơ mưu, liền viết thư khẩn báo cho vua. Người đưa thư tới giữa lúc vua đang dự tiệc. Dù được báo là tối quan trọng, nhà vua vẫn bỏ thư vào túi rồi nói: Việc quan trọng thì cũng để mai hãy tính. Nhưng thương thay đêm đó, nhà vua bị sát hại. Trong cuộc sống hàng ngày, Chúa cũng cảnh báo chúng ta bằng nhiều cách. Khi thì bằng lời giảng, sách đọc hoặc có khi thì bằng nghịch cảnh mà chúng ta phải đối diện. Giáo Hội luôn luôn mời gọi con cái mình qua các dấu chỉ thời gian. Một năm có 12 tháng, lịch phụng vụ phân chia có những mùa vui, mùa thương, mùa sám hối, mùa mong đợi để giúp mỗi người chúng ta ý thức về cuộc hành trình. Ai cũng phải đi tới cùng đích nhưng tới đích để lãnh triều thiên chứ không phải tới để lãnh hình phạt.

Quyết Tâm

Lạy Chúa, chúng ta đang trong Năm Thánh của Giáo Hội Việt Nam. Những việc cử hành bên ngoài rất hoành tráng. Mỗi nơi, mỗi Giáo Phận hay Giáo Xứ có rất nhiều người đã đến tham dự. Chúng con đã có rất nhiều những suy tư gợi nhớ về hình ảnh các bậc Tiền Nhân. Họ đã anh dũng nêu cao ngọn cờ chiến thắng tin tưởng vào Chúa Giêsu, Vua của Vũ Trụ. Các Ngài đã đổ máu đào minh chứng niềm tin. Các Ngài đã chiến đấu và đã đi đến cùng đường. Các Ngài đáng hưởng triều thiên vinh quang, Chúng con đang lữ hành dưới thế, chúng con cũng đang đổi bước theo chân các cha ông để sống trọn lành. Xin Chúa thêm ơn phù trợ để chúng con biết bỏ đi những thói hư tật xấu, những dung tục trong cuộc sống thế trần và giúp chúng con sám hối trở về bên lòng Chúa khoan dung.

Lm. Giuse Trần Việt Hùng Bronx, New York.

VỀ MỤC LỤC

THA THỨ CHO CHÍNH MÌNH

Kính thưa quý thánh giả, mục "Sống Sao Cho Đẹp" xin gửi đến quý vị đề tài: Tha Thứ- Hòa Giải. Trong buổi phát sóng hôm nay. Sống Sao Cho Đẹp xin bàn tới chủ đề: **Học Biết Tha**

Thứ Cho Chính Mình.

Có một câu chuyện kể rằng, sau khi đến miền đất mới, các vị sư phải tự xây dựng mọi thứ, kể cả ngôi chùa cho mình trụ trì, họ mua đất, gạch, dụng cụ và bắt tay vào việc.

Một chú tiểu được trao việc xây một bức tường. Chú tập trung vào công việc, kiểm tra xem từng viên gạch đã thẳng và hàng gạch có ngay ngắn không. Dĩ nhiên công việc tiến triển chậm chạp vì chú đặc biệt kỹ lưỡng, tuy nhiên, chú không lấy đó làm phiền lòng bởi chú biết mình sắp sửa xây xong bức tường đẹp đầu tiên trong đời. Cuối cùng, chú cũng hoàn thành công việc vào lúc hoàng hôn buông xuống. Đứng lui ra xa một chút để ngắm công trình lao động của mình, chú bỗng cảm thấy có gì đó đập vào mắt: mặc dù đã rất cẩn thận khi xây bức tường, nhưng vẫn có hai viên gạch bị đặt không ngay ngắn lắm... và điều tồi tệ nhất là hai viên gạch đó nằm ngay chính giữa bức tường, chúng như đôi mắt đang trừng trừng nhìn chú.

Kể từ đó, mỗi khi du khách đến thăm ngôi chùa, chú tiểu đều dẫn họ đi khắp nơi, trừ đến chỗ bức tường mà chú xây dựng. Một hôm, có hai nhà sư đến tham quan ngôi chùa. Chú đã cố dẫn họ sang hướng khác nhưng hai người vẫn cứ nằng nặc đòi đến khu vực có bức tường do chính chú xây.

Một trong hai vị sư khi đứng trước công trình ấy đã thốt lên: "Ôi, bức tường mới đẹp làm sao!" - "Hai vị nói thật chứ? Hai vị không thấy hai viên gạch xấu xí ngay giữa bức tường ư?" - Chú ngạc nhiên kêu lên. Vị sư già từ tốn đáp lại: "Có chứ, nhưng tôi cũng thấy hàng trăm viên gạch còn lại đã ghép thành một bức tường tuyệt vời làm sao!"**[1]**

Quý vị và các bạn thân mến, đôi khi chúng ta quá nghiêm khắc với bản thân khi cứ luôn "gặm nhấm" những lỗi lầm mình đã mắc, và cho rằng cả thế giới đều nhớ đến nó và quy trách nhiệm cho ta. Chúng ta đã hoàn toàn quên rằng đó chỉ là hai viên gạch "không được trật tự" giữa hàng trăm viên gạch khác đã được xây lên một cách hoàn hảo.

Tha thứ trước hết là tiến trừ khởi sự từ chính mình. Học biết tha thứ cho chính mình là bước khởi đầu quan trọng. Vì chỉ khi nhận ra mình cũng là con người yếu đuối và lầm lỗi thì chúng ta mới dễ dàng bao dung tha thứ cho người khác được. Làm sao chúng ta có thể tha thứ cho người khác được nếu chúng ta chưa có kinh nghiệm tha thứ cho chính mình. Nhận ra con người của mình thật đáng thương, nhận ra những giới hạn của mình, nhận ra những thất bại trong nỗ lực cố gắng để sống đúng nhân phẩm con người; tất cả những điều này đều cần thiết trong tiến trình học biết tha thứ. Thực vậy, khi nhận ra những giới hạn của mình, chúng ta sẽ phần nào cảm thông những giới hạn của khác. Kính thưa quý vị, đó chính là bước đầu để học tha thứ.

Hôm nay, tôi mời bạn hãy nhìn lại chính mình. Hãy soi rọi vào bản thân mình. Hãy can đảm thừa nhận những bất toàn, yếu đuối của mình. Và hãy nói với chính mình: Cảm ơn về những bất toàn này. Nhờ những bất toàn và yếu đuối này mà tôi hiểu hơn về thân phận con người, về chính tôi và về người khác.

Br. Huynhquảng

Xin mời quý vị nghe audio mục **Sống Sao Cho Đẹp** tại website: www.gdthanhgiusetampa.org

VỀ MỤC LỤC

PHẬN LƯU ĐÀY

Babylon vườn treo đâu rồi ngàn năm cũ

Giờ chỉ còn in dấu chốn lưu vong,

Nhớ đàn xưa bên dòng sông liễu rủ

Mơ mãi về sừng sững bóng Si-on.

Cồn Dầu ơi, Babylon đang tương bưng mở cửa
Đứng lên đi, hãy nuốt lệ mà đi
Ai ra tay, ai là người bênh đỡ?
Cũng chỉ là ngọn gió thổi từ bi.

Dù Nabucô, dù trùng trùng dân ngoại
Dẫm lên người mà bước vững như thành
Cũng đừng lo, hãy đi đừng ngoái lại
Biết đâu rồi đất hứa sẽ bình an.

Cồn Dầu ơi, khi người rời đất tổ,
Đừng ra đi như phận khách lưu đày,
Hãy reo ca như ngày xưa tổ phụ
Đứng dậy ngay, lên Đền Thánh vui thay!

Rồi ngày mai khi phận người biệt xứ
Nhớ muôn đời không thể lẫn: do ai?
Khi giáo đường không còn cho thờ tự
Hãy suốt đời ngồi đợi giọt sương mai.

Không ai biết người lên Đền hay biệt xứ
Chỉ mình Ngài, cột lửa dẫn bước người
Chỉ mình Ngài, làm mây che lữ thứ
Dẫu muôn đời, rồi chính sử sẽ còn soi.

Gioan Vinh

[VỀ MỤC LỤC](#)

THÁNH TRONG NHÀ

Trong một dịp tham dự đám cưới cháu của một linh mục, gọi linh mục ấy bằng cậu. Được ngồi cạnh bên Cha, Cha quay sang hỏi tôi :

-“Anh nghĩ thế nào về đời sống gia đình”?

Tôi vội vàng trả lời:

-“Các thánh mới sống được đời sống gia đình công giáo đó cha ạ”.

Cha chau mày khó chịu vì câu nói của tôi. Tôi không biết là tại sao Ngài khó chịu.

Rồi tôi tự xét thấy mình nói cũng không sai mà!

Vì quả thật, trong bậc sống gia đình với ơn Bí tích hôn nhân công giáo, mỗi thành viên đều được ơn nên thánh và phải nên thánh mới bảo đảm được hạnh phúc gia đình ở trần thế này, và ở đời sau. Tôi có nhìn thấy điều ấy quả đúng nơi cha mẹ tôi, nơi các cụ ông cụ bà đang sống, nơi các gia đình trẻ gương mẫu, ít là hạnh phúc ở đời này. Không là thánh, không nên thánh, thì đời sống gia đình đôi khi trở nên vực thẳm cho nhau, trở nên một địa ngục ở trần gian đầy khủng khiếp.

May quá, một lúc sau, Ngài quay sang tôi và nói:

-“Anh nói đúng lắm. Hình như anh biết rõ chuyện gia đình anh chị mình chứ?”.

-“Thưa Cha, con biết chút ít, và có biết là anh chị có một người con sắp chịu chức Linh Mục bên Roma”.

-“Đúng rồi, nhưng không phải vì con làm linh mục mà nên thánh đâu, nhưng phải nên thánh để tồn tại. Anh chị tôi cũng đã phải chiến đấu để nên thánh mới sống được tới ngày hôm nay.”

Lễ Thánh Giuse quan thầy các gia trưởng gợi nhớ cho tôi câu chuyện này. Và tôi muốn tự khẳng định lại một lần nữa rằng, các gia trưởng công giáo, các bà mẹ công giáo là những ông thánh bà thánh trong gia đình, để làm cho cả gia đình nên thánh, trong đó, vai trò của người Cha đạo đức, thánh thiện, noi gương thánh Giuse và người Mẹ, noi gương Mẹ Maria, noi gương cả đời không hết.

Riêng với người Cha gia đình: Thật vô lý khi ông nào cũng muốn là gia trưởng với đầy quyền hành với vợ và các con về quyền quyết định đủ mọi chuyện trong đời, mà quên làm gia trưởng theo cách gia trưởng của Thánh Giuse. Không đợi đến lúc thất bại với cách gia trưởng trần thế của mình, mới chạy đến thánh Giuse, nhưng thiết tưởng, phải khám phá nơi thánh Giuse những “chiêu độc” trong nghề làm gia trưởng: Khiêm tốn, Vâng lời. Khiết tịnh

Khiêm tốn: Quyền hành của gia trưởng Giuse được thể hiện nơi lòng khiêm tốn lắng nghe và hiểu thấu trước tiên là thánh ý Thiên Chúa và sau là những ưu tư, những khát vọng của bạn đời, của con cái. Sự khiêm tốn trong cõi trầm tư thính lặng tâm hồn để hiểu cho ra thánh ý Thiên Chúa. Sự khiêm tốn để Thiên Chúa tác động trên mọi ý nghĩ, mọi hành động, mọi quyết định đời mình. Sự khiêm tốn để tôn trọng và gìn giữ người bạn đời cho toàn việc lớn lao của Thiên Chúa.

Vâng lời: vâng lời Thiên Chúa và đầu cho là gia trưởng, cũng phải biết vâng lời người bạn đời trong những điều hợp ý với Thiên Chúa. Kể cả việc chịu theo ý con, nếu không nói là tôn trọng, vâng lời con trong những điều đúng đắn: “Cha mẹ không biết là con còn phải lo việc của Cha con sao”

Khiết tịnh: Thánh Giuse không mảy may, không bén gợn chút ô nhơ trần phàm nào trong đời sống hôn nhân mà cụ thể nhất là giữ lòng thanh sạch cùng với Mẹ Maria như lời đoan hứa. Thật hiếm có một người đàn ông không chỉ chung tình chung thủy mà còn chung ý chung nguyện với người bạn đời để tình yêu đôi lứa thanh khiết đến trong ngần không để một ý nghĩ thấp hèn nào có thể vương chen vào tâm trí.

Thánh Giuse đầy no mọi nhân đức, nhưng thiết tưởng ba nhân đức ấy, đủ để là gương soi cho mọi gia trưởng trưởng công giáo.

Nhìn vào thực tế đời sống gia đình nơi các gia trưởng công giáo, thật tiếc thay, mấy người tìm theo thánh ý Thiên Chúa, mấy người tuân giữ lề luật Chúa, mấy người không mảy

may chút dục tình hèn hạ trong đời vợ chồng thánh thiện? Và vì thế, đời sống gia đình không thể đạt đến một hạnh phúc toàn bích. Trông đó chắc chắn có gia đình tôi, gia đình bạn...

Từ ba nhân đức ấy, có thể nói thêm rằng:

Thánh Giuse không nói nhiều như các gia trưởng thời nay, nhưng chăm chỉ làm việc và làm việc với lòng yêu mến

Thánh Giuse không lên tay xuống ngón, không lên giọng dạy đời, không lộng quyền vũ phu, nhưng âm thầm lắng nghe thấu hiểu và bảo bọc bạn đời và con trong nhẫn nại.

Thánh Giuse không đặt điều bậy bạ, không dối trá quanh co, không ghen tuông vô cớ, không dẫn xé đay nghiến nhưng thật thà, tin tưởng và ủi an chân tình.

Thánh Giuse không đi đông đi dài, không nhậu nhọt chè chén, không bài bạc gái trai nhưng quyết chọn nhà mình, chọn gia đình mình làm nơi an vui hạnh phúc nhất.

Thánh Giuse không vô lo, vô tình vô tâm để vợ con màn trời chiếu đất, ăn măm mút giò, lang thang thất học nhưng Ngài luôn tận tâm tận lực để có cái nhà cái cửa, miếng cơm manh áo, cái chữ cái học cho đến nơi đến chốn đàng hoàng.

Thánh Giuse không bày vẽ, cũng không làm gương xấu cho con cho gia đình nhưng luôn hướng dẫn cho Mẹ con tuân hành thánh ý Chúa.

.....

Quả thật, sống đời vợ chồng, và nhất là làm gia trưởng, nếu không phải là ông thánh, thì mọi tinh thần thế tục sẽ xâm nhập vào nhà chúng ta cách dễ dàng và làm cho đời sống gia đình trở nên một nơi đầy những hỗn độn.

Nhân lễ kính Thánh Giuse,

Ước gì mỗi người sắp lấy vợ, hãy học nơi thánh Giuse gương khiêm tốn, vâng lời khiết tịnh quý giá.

Ước gì mỗi gia trưởng được ơn Thánh Gia Trưởng Giuse, khám phá ra cách gia trưởng công giáo tuyệt vời nơi thánh Giuse, để mỗi gia đình trở nên một Thánh Gia, một giáo hội thu nhỏ.

Lạy Thánh Giuse, xin cho các gia trưởng của chúng con có một ước muốn thánh thiện, một quyết tâm nên thánh, và noi gương thánh thiện của Ngài, để cả nhà chúng con cùng được hạnh phúc ở đời này và đời sau. A men

PM. Cao Huy Hoàng 18-3-2010

VỀ MỤC LỤC

CHUNG SỐNG (3)

LÀM SỢ HÃI THAY VÌ CÙNG CỐ TÌNH YÊU

Sự kính trọng, tử tế không loại trừ cảm giác an toàn, vững chắc. Người ta có thể tử tế với người khác chỉ nếu người ta bảo đảm về chính mình, bảo đảm về ấn tượng người ta tạo nên, và bảo đảm về sự thành công cuối cùng của họ. Để có cảm giác an toàn vững chắc, đòi hỏi người ta phải có sự tự tin. Sự vững chắc không ám chỉ sự áp đặt. Chúng ta càng ít cảm thấy an toàn bảo đảm, chúng ta càng có khuynh hướng đe dọa và áp đặt. Sự đe dọa lẫn nhau rất thường được thấy trong đời sống gia đình. Dĩ nhiên chúng ta không có ý làm người khác sợ, nhưng điều đó phát xuất từ cảm giác sợ hãi của chúng ta. Như hai người gặp nhau cách bất thành lình vào giữa đêm trong một con đường tối, người này sợ người kia cướp giật, cả hai đều chung cảm giác sợ hãi. Nhiều cặp vợ chồng luôn sống trong sự sợ hãi: sợ bị quên lãng,

sợ bị thống trị, sợ không được quý mến, sợ bị đối xử tệ bạc, sợ bị nhục mạ. Họ nói nỗi sợ của họ cho người thứ ba, nhưng rất khó mà thuyết phục họ để họ tin rằng người khác cũng sợ như họ. Không ai nhận ra sự sợ hãi của đối phương. Chúng ta có khuynh hướng nghi ngờ những người khác, nhất là những người có quyền trên chúng ta. Dĩ nhiên, những phương pháp và vũ khí của cuộc chiến được nhìn thấy một cách rõ ràng nếu nó được dùng bởi đối phương trong khi chúng ta tự cho mình là vô hại và đầy những ý hướng tốt, và không bao giờ chấp nhận lý do tự vệ của kẻ khác có liên quan đến chúng ta.

LUẬN LÝ ĐƯỢC DÙNG NHƯ VŨ KHÍ

Tất cả mọi tranh luận trong hôn nhân cho thấy căn bản cấu trúc giống nhau. Lắng nghe chồng và vợ người ta cảm thấy chắc chắn rằng người nào nói sau cùng là đúng. Cả hai đều đúng, hoặc ít nhất họ tin họ là đúng. Nếu không, họ sẽ hành động cách khác nhau. Luận lý trở thành khí cụ có thể dùng và được dùng bởi mọi người đang giao chiến. Nhưng căn bản, cuộc cãi và không là vấn đề của đúng và sai, mà chỉ là vấn đề của việc vui lòng hoặc bất bình, đồng ý hoặc chống lại. Cái mấu chốt của sự tranh cãi đóng vai trò thứ yếu. Vấn đề đúng hoặc sai chỉ được đặt ra khi sự cộng tác gặp trục trặc và mỗi người đều muốn đổ lỗi cho sự bất đồng đó. Con người thì thông minh và khéo léo tìm đủ mọi lý do để biện minh cho hành động của họ. Đầu óc họ phát minh những lý do để kích thích người khác hành động, đó là nguyên nhân cho những thù hận công khai.

THAY ĐỔI SỰ ĐỔ LỖI

Vì chúng ta không để ý cách chúng ta lên tiếng, cũng không nhận ra khi nào chúng ta gây nên, làm cách nào chúng ta có thể chắc chắn chúng ta có vi phạm luật căn bản của sự cộng tác không? Chúng ta có thể đánh giá chúng ta một cách thích hợp chỉ nếu chúng ta nhìn vào kết quả của hành động chúng ta. Bấy giờ, chúng ta có thể nói được rằng chúng ta có đang gây căng thẳng, xung đột, hay đang làm hiểu nhau hơn. Tiến trình này đòi hỏi chúng ta bỏ đi việc đổ lỗi cho bất cứ sự bất đồng của gia đình lên những yếu tố ngoài chúng ta. Đổ lỗi cho chính chúng ta cũng không giúp được gì. Đổ lỗi, viện cớ, phàn nàn chỉ cho thấy sự thất vọng và hận thù. Bất cứ khi nào chúng ta khám phá trong chúng ta dấu hiệu của những khuynh hướng như thế, chúng ta có thể chắc chắn rằng chúng ta sắp vi phạm qui luật cộng tác. Cảm xúc của chúng ta là sự hướng dẫn tốt nếu chúng ta xem chúng như những dấu chỉ của ý hướng riêng chúng ta và không như phản ứng tự nhiên bị kích thích bởi yếu tố bên ngoài. Nếu chịu trách nhiệm hoàn toàn cho cảm xúc, chúng ta sẽ không còn viện nhiều lý lẽ để bào chữa nhưng sẽ làm chủ được tình thế.

Khi chúng ta nhận ra cảm xúc hận thù như là vũ khí cố ý để giao chiến, chúng ta có thể kích động một sự tái hướng dẫn, một sự định giá mới về điều kiện sống cũng như những phần tử trong gia đình, để những cảm xúc mới tốt hơn và can đảm hơn có thể phát triển. Được thấu hiểu một cách thích hợp, việc thiếu tình cảm sẽ không còn là lý do cho những bồn phận bị quên lãng, nhưng là một thách thức phát triển một lợi ích mới về xã hội.

Có vô số lý do được gán cho sự thất bại của tình yêu. Một người đàn bà phàn nàn rằng bà không thể yêu và chấp nhận chồng bà nữa vì lý do chồng bà không hề có một lỗi lầm gì. Bạn không thể tưởng tượng được: thật là khủng khiếp phải sống với một ông chồng hoàn thiện. Tôi không thể chịu nổi nữa. Ông không có làm gì sai. Ông cũng không giận dữ tôi. Cái gì tôi làm đều đúng. Cái gì tôi không làm cũng đúng. Ông không bao giờ nổi giận. Bạn có thể sống với một thiên thần không? Thật không thể tin được khi người ta nghe một sự phàn nàn một cách vô lý. Điều đó cho thấy rằng nếu người ta muốn tìm một lý do để chống đối, người ta luôn có thể. Không có khuyết điểm cũng phục vụ mục đích giống như nhiều khuyết điểm.

Vấn đề được nêu lên là: những lầm lỗi cá nhân có là lý do hiện hành của cuộc xung đột hôn nhân không? Đúng là chúng ta chối từ người khác vì lầm lỗi của họ phải không? Tôi không nghĩ thế. Bao lâu chúng ta chấp nhận và yêu một người nào, lỗi lầm họ không thành vấn đề. Khi chúng ta từ chối chấp nhận họ, lỗi lầm họ cung cấp cho chúng ta lý do cho sự thù hận của chúng ta. Chúng ta khám phá những lỗi lầm mà chúng ta trước đây đã nhìn thấy nhiều lần khi chúng hợp với chương trình chúng ta. Tại sao chúng ta khước từ nhau, gây nên sự đau khổ triền miên cho chúng ta cũng như cho người khác. Đó là vấn đề của chúng ta, nó can thiệp vào sự cộng tác và sự hạnh phúc của chúng ta. Bao lâu chúng ta cảm thấy được chấp nhận, quý mến, tôn sùng, cưng chiều, mọi sự đều tốt đẹp. Nhưng bao lâu chúng ta cảm thấy bị mặc cả, ức chế, và bất công, bấy giờ người bạn thân nhất của chúng ta cũng trở thành kẻ thù.

Cảm giác tự ty này thường không có nền tảng, tuy nhiên những đèn bù thường được gọi là cảm giác tự tôn có thể được tìm thấy trong những cách thể khác nhau. Tình trạng một vị tử đạo bị hành hạ đối với người quan sát có thể xem là một tình trạng đầy khổ nhục và đáng thương, nhưng chính đương sự lại thấy đây không phải là một nhục mạ mà là một cơ hội tốt để họ được sáng giá trên bình diện đạo đức. Chịu sự tra tấn thể xác lẫn tinh thần có thể mang lại sự chiến thắng tinh thần, và người chịu tử đạo cũng như kẻ sát đạo có thể cùng cảm thấy hạnh phúc trên căn bản ban phát quyền hành. Người thì vui hưởng sự thống trị về thể xác, kẻ thì vui hưởng sự công chính hóa. Nhưng vị tử đạo có thể tức khắc nổi loạn và khước từ người bạn cũ của họ nếu họ cố ý để được gọi là nhân đức và để được chú ý, họ sẽ thất bại và sẽ làm mất sự quân bình. Dĩ nhiên, tình trạng này thì quá đáng, nhưng chúng ta phải biết rằng sự chấp nhận lẫn nhau có nghĩa là sự đồng ý về sự quân bình cho phép mỗi bên bù đắp lại cảm giác không-cảm-thấy-đủ bằng cách thể riêng của mình. Sự xung đột không bao giờ được gây nên bởi chỉ những khủng hoảng bên ngoài như áp lực kinh tế, xã hội... và sự không may mắn có thể mang vợ chồng lại gần nhau hơn. Nếu sự quân bình giữa cặp vợ chồng bị lung lay bởi những khó khăn đó, bấy giờ sự xung đột sẽ xảy ra như một kết quả đương nhiên. Thông thường những chuyện không may này không là lý do của những khủng hoảng hôn nhân, chúng chỉ là những trắc nghiệm về khả năng cộng tác. Chúng chỉ mang những xung khắc và hận thù được ẩn dấu thành công khai – đó cũng là những dấu hiệu cho thấy cảm-giác- thuộc-về của cả hai bên đều không có đủ, và cũng cho thấy rằng họ thật sự không muốn gắn bó với nhau khi gặp những khó khăn. Họ chỉ tìm cơ hội để đổ lỗi nhau và xa lìa nhau.

CHÚNG TA QUYẾT ĐỊNH NHỮNG CÂU TRẢ LỜI CỦA CHÚNG TA.

Chỉ có con người mới biết chỉ trích những người khác khi chúng ta đau khổ do những khiếm khuyết riêng của chúng ta và bấy giờ chúng ta cảm thấy thích thú với những lỗi lầm của người khác. Bình thường sự thích thú về xã hội của chúng ta khiến chúng ta có thể thấy và vui hưởng những bản tính tốt nơi đồng bạn chúng ta. Mọi người đều có nhân đức cũng như có lỗi lầm. Việc chúng ta để ý đến những nhân đức hoặc lỗi lầm của một người cho thấy thái độ chúng ta đối với họ. Cách tổng quát, cái gì đúng cho con người thì cũng đúng cho đời sống. Cả hai đều phong phú và màu sắc rực rỡ đến nỗi chúng ta có thể chọn cái chúng ta muốn – cái tốt hoặc cái xấu. Vấn đề không phải là những kinh nghiệm khó chịu hay vui thỏa nhưng là cái lợi hay bất lợi mà chúng ta tìm thấy nơi đời sống và nơi những con người, phản ảnh con người cũng như thái độ của chúng ta.

HÔN NHÂN KHÔNG LÀ THIÊN ĐÀNG

Thật không dễ cho hai người suốt cả ngày đêm đều luôn đồng ý và cộng tác với nhau trong suốt cả cuộc đời. Trong cái nhìn đối với những vấn đề phức tạp và không thể giải quyết mà chàng đang đối diện, không ai dám nói rằng mình có đủ khả năng. Nhiều người mang sự hận thù từ thế giới bên ngoài vào nhà và trở lại với thế giới bất ổn với sự căng thẳng gia tăng. Người ta càng mong tìm thấy thiên đàng nơi hôn nhân thì sự chán nản càng lớn lao. Thật là một sai lầm lớn lao nếu nhìn vào hôn nhân như là một sự giải quyết. Nhưng hãy nhớ rằng hôn nhân là một bốn phận chứ không phải là một sự giải thoát. Nhiều người, đặc biệt là các bà, chán nản trong cuộc đời hy vọng tìm được sự an toàn trong hôn nhân. Ngày xưa, hôn nhân là một giải quyết cho những vấn đề của một người đàn bà. Không chồng, các bà không đáng kể, không có giá trị, và vấn đề trở nên khác hẳn khi các bà lấy được chồng. Ngày nay thì khác. Khuyến một cô gái chán chường thất vọng đi lấy chồng là một tai hại nặng nề. Bất cứ ai cảm thấy mình không thích nghi với công việc và bốn phận xã hội, đều cho thấy sự thất bại trong việc cộng tác với người bạn của mình trong hôn nhân. Điều đó không có nghĩa là người ta nên được khuyến khích không kết hôn. Họ không thể trốn khỏi vấn đề tình yêu và tình dục mà không gặp phải ngày càng trở nên chán chường sâu xa hơn. Vấn đề là bất cứ điều gì người ta làm trong lo âu và sợ sệt, người ta sẽ phải trả giá cho nó. Sự can đảm và cảm giác xã hội nếu không được chuẩn bị trước, sẽ dễ dàng gặp phải thất bại trong hạnh phúc hôn nhân. Vì thế, để tránh khỏi tất cả những đổ vỡ đó, chúng ta cần phải chuẩn bị những hành trang cần thiết cho cuộc hôn nhân của chúng ta, hay ít ra phải cố gắng làm tốt hết sức có thể để dọn đường cho cuộc hôn nhân mà chúng ta đã ký kết.

TINH THẦN THÌ ĐÁNG KỂ

Thật là vô ích để có những lời khuyên đặc biệt cho cuộc sống hạnh phúc vì đã có rất nhiều sách khuyên phải làm gì và không nên làm gì, và nhiều cuốn phải nói là tuyệt vời. Điều

đáng buồn là những đề nghị đó có giúp ích gì cho chúng ta không? Một người can đảm với sự thích thú đầy đủ về mặt xã hội không cần nhiều lời khuyên. Một người sợ hãi, lòng đầy thù hận thì sẽ không để ý gì đến những lời khuyên đó cho dầu đó là những lời hay ho quý báu nhất. Vì thế, chúng ta tin rằng thái độ nền tảng thì tốt hơn là kỹ thuật. Chỉ chú trọng vấn đề kỹ thuật sẽ không làm nên hôn nhân hạnh phúc vì không có qui luật nào nắm vững được vấn đề kinh tế, xã hội, và tính dục mà có thể tránh được thất bại. Vì thế, tinh thần mới đáng kể, mới quan trọng chứ không phải kỹ thuật. Ước muốn cộng tác thẳng vượt mọi trở ngại. Nếu không có ước muốn cộng tác, một chút ngăn trở cũng có thể trở nên không khắc phục được. Bất cứ gì làm căng thẳng giữa vợ và chồng, cảm-giác- thuộc-về sẽ giúp họ kháng cự cho sự nguy hiểm đang đe dọa từ bên trong. Cái nhìn trên cuộc đời căn cứ trên niềm tin và tự tin đều làm tăng khả năng cho sự cộng tác và hài hòa cũng như làm phát sinh bầu không khí tử tế và chịu đựng. Thật vậy, tinh thần và thái độ của chúng ta mới là quan trọng trong vấn đề hạnh phúc hôn nhân.

Lm. Lê văn Quảng

VỀ MỤC LỤC

GIÁO HỘI CẢM PHỤC VÀ BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI SỐNG ĐỜI THÁNH HIẾN

THUYẾT TRÌNH PHẦN I HUẤN THỊ “XUẤT PHÁT LẠI TỪ CHÚA KITÔ”

Đại Hội Tu Sĩ Toàn Quốc IV ngày 8-10/3/2010 tại Bùi Chu

A. NHẬP ĐỀ

Huấn thị **XUẤT PHÁT LẠI TỪ CHÚA KITÔ** của Bộ Đời Sống Thánh Hiến và Hiệp Hội Tông Đồ đã được ĐTC GP II phê chuẩn ngày 16/5/2002 và ban hành tại Rôma, ngày 19/5/2002. Đây là thành quả mà Hội Nghị Khoáng Đại của Bộ nhìn lại sau 5 năm Tông huấn Đời Sống Thánh Hiến ra đời ngày 25/3/1996.

Huấn thị này nhằm duyệt xét lại hiệu quả của việc đón nhận và thực thi Tông huấn ĐỜI SỐNG THÁNH HIẾN để giúp các người thánh hiến đi vào đường lối mục vụ, trung thành theo sát vết chân Chúa Kitô, qua việc tuân giữ các lời khuyên Phúc Âm, thực thi đức ái mỗi ngày trong tình hiệp thông huynh đệ và linh đạo tông đồ quảng đại.

Quả thế, Tông Huấn đã mạnh mẽ thúc đẩy: *“Các Tu hội được mời gọi hãy can đảm tìm lại tinh thần xông xáo dám nghĩ dám làm, óc sáng tạo và sự thánh thiện của các đấng sáng lập, để đáp trả những ‘thời triệu’ đang xuất hiện trong thế giới ngày nay. Lời mời gọi này tiên vãn nhằm đến việc kiên trì trên đường nên thánh, giữa những khó khăn vật chất và tinh thần gặp phải trong cuộc sống hằng ngày... khi cần, biết thích nghi các hình thái với những hoàn cảnh mới và những nhu cầu khác nhau, trong thái độ hoàn toàn tuân phục sự soi sáng của Thiên Chúa và sự biến phân của Giáo Hội. Trong tinh thần này, mọi tu hội phải canh tân lối nhìn về Luật Dòng, vì một lộ trình đã được phác họa trong Luật Dòng và Hiến Chương để thực hiện việc đi theo Chúa Kitô, tương ứng với đặc sủng riêng đã được Giáo Hội chuẩn nhận. Càng trân trọng Luật Dòng, người tận hiến càng có những tiêu chuẩn chắc chắn để tìm ra những phương thức thích đáng cho sứ vụ đáp ứng những đòi hỏi của thời đại mà không xa rời linh ứng nguyên thủy.”*^[1]

Mới đây, khi công bố Năm Thánh 2010, Hội Đồng Giám Mục Việt Nam nhắc nhở mọi thành phần Dân Chúa: *“Đây là thời điểm cho chúng ta nhìn lại quá khứ để tạ ơn Chúa và lắng nghe bài học của lịch sử, nhìn vào hiện tại để nhận diện những thuận lợi và thách đố, nhìn tới tương lai để cùng nhau canh tân đời sống và xây dựng Giáo Hội theo đúng thánh ý Thiên Chúa.”*^[2]

Trong tinh thần sống Năm Thánh này, Đức Cha Chủ Tịch Ủy Ban Tu sĩ thuộc HĐGMVN, Giuse Hoàng Văn Tiệm, muốn chúng ta cùng học hỏi Huấn thị XUẤT PHÁT LẠI TỪ CHÚA KITÔ, nhằm:

a) *Nhìn lại quá khứ* để tạ ơn Chúa, tỏ lòng biết ơn và quý mến đối với những người sống đời thánh hiến, vì qua căn tính và hoạt động tông đồ đa dạng của mình, họ đã mang lại niềm hy vọng vào tính siêu việt của đời sống vĩnh cửu mà thế giới đang đánh mất ngày một trầm trọng hơn, bằng việc sống chứng tá cho sự hiện diện của tình yêu có sức biến đổi của Thiên Chúa;

b) *Nhìn vào hiện tại* để nhận diện những khó khăn thử thách, những thuận lợi và thách đố mà những người sống đời thánh hiến hôm nay đang phải trải qua, nhưng với cái nhìn tích cực là xem chúng như một thời cơ mới để tái khám phá ý nghĩa và phẩm chất của đời sống thánh hiến một cách sâu xa hơn;

c) *Nhìn tới tương lai* để cùng nhau canh tân và xây dựng đời sống thánh hiến theo đúng thánh ý Thiên Chúa và giáo huấn của Giáo Hội, bằng sự dẫn thân mới trong đời sống thiêng liêng, xuất phát lại từ Chúa Kitô;

d) *Nhận ra sự đồng hành hiệp thông của Giáo Hội* với các người thánh hiến trên các nẻo đường của thế giới, mà Chúa Kitô đã đi qua và hôm nay vẫn còn hiện diện, bằng sứ vụ chứng tá cho tình yêu của Thiên Chúa giữa lòng nhân loại nhiều khổ đau.

Con được chỉ định trình bày phần I của Huấn Thị *Xuất Phát Lại Từ Chúa Kitô* nói về “*Sự hiện diện của Tình Yêu Chúa Kitô giữa lòng nhân loại nhờ Đời Sống Thánh Hiến*”. Trong phần này, con muốn nhấn mạnh rằng *cộng đồng Giáo Hội bày tỏ lòng biết ơn và quý mến đối với những người sống đời thánh hiến, vì họ đã làm cho tình yêu của Chúa Kitô hiện diện giữa lòng nhân loại bằng căn tính và hoạt động tông đồ hiệu quả của họ*.

B. NHỮNG LÝ DO CỦA LÒNG BIẾT ƠN VÀ QUÝ MẾN CỦA CỘNG ĐỒNG GIÁO HỘI ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI SỐNG ĐỜI THÁNH HIẾN

Các phát biểu và những bản báo cáo trong Hội Nghị Khoáng Đại của Bộ Tu Sĩ năm 2002 gợi lên niềm cảm phục tri ân đối với các hoạt động tông đồ đa dạng của những người thánh hiến.

Thông tấn CNA ngày 27/1/2010 cho biết Ngày Thế Giới Đời Sống Thánh Hiến 2010 sẽ được tổ chức tại Mỹ ngày 7/2/2010, để càng có đông người tham dự hơn càng tốt, nhất là nơi đây đang diễn ra cuộc kinh lý các Dòng tu nữ. Nhưng chính ngày 2/2/2010 tại Roma, ĐTC Biển Đức đích thân chủ sự Kinh Chiều và Phép Lành MTC trong đền thờ thánh Phêrô để cử hành Ngày này. Ngài nhắc nhở *những người thánh hiến hãy làm chứng về lòng từ bi của Chúa... trở nên trường dạy về lòng tín thác vào lòng từ bi Chúa, nơi đó con người tìm được ơn cứu độ, vì càng tiến lại gần Chúa, người thánh hiến càng gần gũi với Chúa và càng hữu ích cho tha nhân*.^[3]

ĐHY Sean O'Malley, chủ tịch Ủy Ban Giáo sĩ, Tu Sĩ và Ôn Gọi thuộc HĐGM Mỹ đặc biệt nhìn nhận: “*Giáo Hội được chúc phúc một cách lớn lao nhờ rất nhiều cống hiến của các nữ tu, cả những người đã đặt nền móng trong quá khứ lẫn những người đang phục vụ hôm nay*.”

Ngài ước mong Ngày Thế Giới Đời Sống Thánh Hiến “*cung cấp cho mọi nam nữ tu sĩ một cơ hội để trải nghiệm một sự canh tân ơn gọi và cam kết sống đời tận hiến của mình*.” Chắc chắn đó cũng là mục tiêu nhắm đến của Đức Cha Chủ tịch Ủy Ban Tu Sĩ thuộc HĐGMVN khi chọn huấn thị *Xuất Phát Lại Từ Chúa Kitô* làm chuyên đề cho ĐHTSTQ IV này.

B.I NHỮNG CÁCH THỨC NGƯỜI THÁNH HIẾN BƯỚC ĐI TRONG THỜI ĐẠI HÔM NAY^[4]

I.1 Hiện diện và dẫn thân: Vì sự hiện diện và dẫn thân của mình trong mọi lãnh vực cuộc sống của Giáo hội và Xã hội, các người thánh hiến xứng đáng với lòng biết ơn của cộng đồng Giáo Hội. ĐGH Gioan Phaolô II diễn tả lòng biết ơn đó khi cầu nguyện với Thiên Chúa như sau: “*Chúng con tạ ơn Cha vì món quà đời sống thánh hiến. Họ hằng tìm kiếm Cha trong đức tin và mời gọi mọi người đến gần Cha, nhờ sứ mạng của họ trên khắp hoàn vũ*.”

ĐTC Biển Đức cũng chia sẻ tư tưởng ấy khi nói về ba mục đích của Ngày Thế Giới Đời

Sống Thánh Hiến 2010:

- *"Ca tụng và tạ ơn Chúa về ân huệ đời sống thánh hiến;*
- *Thăng tiến sự hiểu biết và lòng quý trọng của Dân Chúa đối với đời sống thánh hiến;*
- *Mời gọi những ai hiến dâng cuộc đời cho Tin Mừng cử hành những điều kỳ diệu Chúa đã làm nơi mình.*

Và Ngài ưu ái nói với các tu sĩ hiện diện: *"Cha chào đón và cảm ơn từng người các con với một niềm yêu thương lớn lao, Cha thân ái gần gũi và tán dương những điều tốt lành các con đã phục vụ Dân Chúa."*[5]

I.2 Chứng tá trung thành và tín thác vào Chúa: Không tìm sự tán đồng bất cứ từ nơi đâu, mà chỉ tìm sự tán đồng của Chúa, các người thánh hiến hân hoan dẫn thân sống Tin Mừng và trung thành họa lại lối sống và hành động của Chúa Giêsu Nhập Thể và nhập thể, trong mọi mối tương quan với Chúa và đồng loại.

I.3 Loan báo một lối sống khác: Tuy đời sống thánh hiến là lối đi ngược dòng với thời đại, nhất là trong thế giới tục hóa và hưởng thụ khoái lạc hôm nay, các người thánh hiến loan báo một lối sống khác lối sống và văn hóa thế gian, bằng chính cuộc sống đơn sơ từng ngày của họ, hầu xây dựng Nước Trời giữa lòng thế gian bằng nền văn hóa sự sống và văn minh tình thương.

I.4 Phương dược chữa lành thiêng liêng: Bằng lối sống nỗ lực tìm kiếm Chúa, đời sống thánh hiến mang lại phương dược chữa lành thiêng liêng cho những ác hại của thời đại, như sự tục hóa, gian dối, hưởng thụ khoái lạc, việc đánh mất cảm thức siêu việt và ý thức về tội, lạm dụng tình dục, không tôn trọng sự sống, phá thai, bạo lực, xì ke, ma túy, v.v...

I.5 Phúc lành và lý do hy vọng: Đời sống thánh hiến là một phúc lành và là lý do hy vọng cho đời sống con người và Giáo Hội, như thánh Phêrô đã khuyên là *"anh chị em phải luôn sẵn sàng trả lời cho bất cứ ai hỏi về niềm hy vọng của anh chị em."*

I.6 Làm cho Chúa Giêsu hiện diện: Người sống đời thánh hiến làm cho Chúa Giêsu hiện diện bằng sự *hiện diện năng động của thể hệ trẻ*, cũng như sự *hiện diện ẩn dấu và thành tựu của thể hệ già cả, cô đơn, bệnh tật và đau khổ*, nhờ liên kết và bổ khuyết cuộc khổ nạn của Chúa Kitô nơi bản thân mình như thánh Phaolô khẳng định: *"Những gian nan thử thách Chúa Kitô còn phải chịu, tôi xin mang lấy vào thân cho đủ mức, vì lợi ích cho thân thể Người là Hội Thánh."*[6]

Do đó, ĐTC Biển Đức đã chọn chủ đề cho Ngày Thế Giới Cầu Nguyện Cho Bệnh Nhân năm 2010 là *"Giáo Hội Yêu Thương Phục Vụ Người Đau Khổ"*[7] và Ngài cũng lưu ý rằng *không ai trong các nam nữ tu sĩ cao niên, bệnh tật hay gặp khó khăn trong việc tông đồ là vô ích, vì họ được liên kết với Chúa và là hồng ân quý giá đối với Giáo Hội và Thế giới.*[8]

I.7 Hướng đi mới của đời sống thánh hiến: Đời sống thánh hiến trong thời đại mới hôm nay tích cực nhập thể, đào sâu, thanh luyện, hiệp thông và truyền giáo bằng việc phục vụ phẩm giá con người trong một xã hội phi nhân hoá vì sự nghèo đói cùng cực và nhấn chìm chà đạp lên các quyền lợi của con người. Người thánh hiến cần phải có tinh thần của người nghèo, được thanh luyện khỏi tư lợi, sẵn sàng phụng sự hoà bình và bất bạo động, với tinh thần liên đới và đầy lòng thương cảm đối với những ai khốn khổ; sẵn sàng trả giá cho việc bị bách hại, vì hiện nay nguyên nhân của tử đạo thường là sự đấu tranh cho công lý vì muốn trung thành với Tin Mừng.[9]

I.8 Gia tăng và củng cố tính năng động cộng đoàn: Người thánh hiến không ngừng được lợi ích từ việc gia tăng và củng cố tính năng động cộng đoàn trong mọi chiều kích tương quan và trao đổi, như Tông huấn Đời Sống Thánh Hiến mô tả: *«Đời tu tham gia vào sứ mạng của Chúa Kitô bằng một yếu tố vượt riêng của mình, đó là đời sống huynh đệ cộng đoàn hướng về sứ vụ. Việc hiến dâng cho Chúa Giêsu càng đi vào nội tâm, cách sống cộng đoàn càng đậm tình huynh đệ, sự dẫn thân vào sứ vụ đặc thù của Hội Dòng càng hăng say, thì đời tu càng có giá trị tông đồ»*[10]

I.9 Nỗ lực mới trong vòng phục vụ và hợp tác: Người thánh hiến nỗ lực tìm cách thức

mới thực thi vâng lời quyền bính gợi hứng từ Tin Mừng:

- hiệp nhất, hòa nhập và hòa giải;
- Gia tăng hợp tác với Giám Mục trong việc huấn luyện và tông đồ;
- Cải thiện các tương quan trong lòng Giáo Hội bằng việc trao đổi hỗ tương và bổ túc các ân ban tài năng khác nhau;
- Cùng Giáo hội địa phương xây dựng những kế hoạch mục vụ cụ thể để đi đến với con người, làm cho các giá trị Tin Mừng được triển nở trong các môi trường xã hội và văn hóa;
- nỗ lực xây dựng linh đạo hiệp thông trong các đặc sủng đa dạng và hỗ tương với lòng tin tưởng và cởi mở.

Có thể nói Định hướng Năm Thánh 2010 của HĐGMVN nhằm xây dựng **Giáo Hội Mầu Nhiệm – Hiệp Thông – Sứ Vụ** vừa là một cổ vũ vừa là một xác nhận cho nỗ lực mới trong vâng phục và hợp tác của những người sống đời thánh hiến chúng ta vậy.

Mới đây trong Bản Tuyên Bố Chung của Hội Nghị Chuyên Đề về **"Ảnh Hưởng của Nền Văn Hóa Ngày Nay trên Đời Sống Thánh Hiến"** do Ủy Ban Đời Sống Thánh Hiến thuộc Liên Hiệp Các Hội Đồng Giám Mục Á Châu tổ chức tại Thái Lan từ ngày 16-21/11/2009 cũng nhắc tới chiều kích này rằng: *"Các quyền lợi của các nữ tu và sự bình đẳng về nhân phẩm của họ với các nam tu sĩ và giáo sĩ phải được nhìn nhận, tôn trọng, khẳng định và bảo đảm."*

Gần đây hơn nữa, Thầy Mekkunnel, Tổng thư ký Hội Đồng Tu Sĩ Ấn Độ nói với Các Giám Mục Ấn Độ trong cuộc họp khoáng đại ngày 3/3/2010 tại Guwahati rằng *"Nhiều nữ tu bị hạ xuống quy chế người giúp việc nhà, ngay trong dòng của chính họ, do tầm nhìn không thay đổi của các nhà lãnh đạo Giáo Hội. Đa số không được huấn luyện các kỹ năng và dạy dỗ cách giải quyết các đòi hỏi của các công việc họ làm... Trong những tình huống xấu nhất, họ bị xâm phạm nhân quyền và "điều đó khiến chúng tôi lo lắng". Các nhà lãnh đạo Giáo Hội cần phải tôn trọng phẩm giá phụ nữ, đánh giá cao đời sống tận hiến của họ, và nhìn nhận công việc của họ bằng cách 'trả công xứng đáng'. Các nhà lãnh đạo Giáo Hội phải đi đầu trong việc cho phép nữ giới có những vị trí thích hợp trong Giáo Hội, bằng không 'sức ép dân chúng' sẽ tập hợp lại và 'phá đổ tầm nhìn của các nhà lãnh đạo Giáo Hội'".[\[11\]](#)*

B.II ĐỜI SỐNG THÁNH HIẾN GÓP PHẦN KIẾN TẠO SỰ THÁNH THIỆN CỦA DÂN CHÚA[\[12\]](#)

II.1 Ân huệ của Chúa Ba Ngôi:Ơn gọi thánh hiến là một ân huệ của Chúa Ba Ngôi, được lãnh nhận từ bí tích thánh tẩy, cùng chia sẻ ơn gọi nên thánh phổ quát của mọi tín hữu.

II.2 Bị thúc bách nỗ lực nên thánh: Người thánh hiến bị thúc bách thực hiện lối sống theo gương Chúa Giêsu, Mẹ Maria và các tông đồ, trong một sự thánh hiến không ngừng được đổi mới vì lợi ích của Giáo Hội.

II.3 Chứng tá ngôn sứ và cánh chung: Khi bước theo và trở nên giống Chúa Kitô thanh khiết, khó nghèo và vâng phục, người thánh hiến khẳng định cho thế giới vị thế tối thượng của Thiên Chúa và cuộc sống vĩnh cửu, vừa là chứng tá vừa là báo trước đời sống cánh chung, nơi người ta không cưới vợ lấy chồng mà sống như con cái của Thiên Chúa.

II.4 Đề xuất lời mời gọi đáp trả ân sủng: Bằng chính cuộc sống kết hiệp mật thiết với Thiên Chúa của mình, người thánh hiến đề xuất với thế giới tục hóa lời mời gọi đáp trả ân sủng thiêng liêng, bởi sự canh tân nhu cầu cầu nguyện và các việc đạo đức, phụng tự mỗi ngày.

II.5 Lời mời gọi hoán cải: Dù vẫn mang thân phận con người yếu đuối, người thánh hiến phải tỏa chiếu ánh sáng hoán cải trên mọi biến cố của cuộc sống; đồng thời cố tâm giữ sống động và thăng tiến phẩm chất đời sống tu trì theo Tin Mừng, bằng cách thực hành những việc sùng kính đạo đức vốn giúp họ kiên trì và trung thành trong đời sống và sứ vụ ơn gọi của mình, lúc ở trong nội vi Nhà Dòng cũng như khi ra sống giữa lòng trần thế đa nguyên

đa diện.

II.6 Trung tâm nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng: Cộng đoàn tu phải trở nên trung tâm nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng, bằng việc lắng nghe và chia sẻ Lời Chúa, cử hành phụng vụ, huấn luyện cầu nguyện và giúp đồng hành thiêng liêng, cùng nhau tìm kiếm và vâng phục ý Chúa, luôn có cái nhìn đức tin và phản ứng cách siêu nhiên trước mọi biến cố của cuộc đời.

Đức Thánh Cha Biển Đức XVI cho chúng ta mẫu gương của chính ngài, là khi bị ngã gãy tay phải vào bệnh viện bó bột và phải nghỉ ngơi, Ngài chia sẻ cái nhìn đức tin siêu nhiên như sau: "Thiên Thần giữ mình của tôi đã vâng lệnh Chúa không ngăn cản tôi khỏi ngã gãy tay, ngõ hầu cho tôi có thời gian hơn để cầu nguyện và suy niệm"

II.7 Trợ giúp hỗ tương trong đời sống thiêng liêng: Trong khi giúp giáo dân thánh hóa cuộc sống giữa đời, người thánh hiến cũng được trợ giúp tăng tiến trong đời sống thiêng liêng của chính mình, vì không ai cho cái mình không có: Trước khi nói về Chúa cho người khác thì mình phải nói với Chúa, có Chúa, và sống trong Chúa đã.

B.III NGƯỜI THÁNH HIẾN TÍCH CỰC SỐNG SỨ VỤ VÌ NƯỚC TRỜI[13]

III.1 Tiếp tục sứ mạng của Chúa Giêsu nơi trần gian: Càng nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô, người thánh hiến càng làm cho sự hiện diện mang ơn cứu độ của Ngài được sống động trong lịch sử nhân loại. ĐTC JP II dạy: *"Càng để cho mình nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô, người tận tụy hiến càng làm cho Chúa Kitô hiện diện và hành động trong thế giới để cứu độ nhân loại"*[14]

III.2 Nhạy cảm với nhu cầu của thế giới: Cởi mở với nhu cầu của thế giới để hướng thế giới tới niềm hy vọng Phục sinh. Công đồng Vaticano II viết ngay trong trang đầu tiên Hiến Chế Mục Vụ 'Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay - Vui Mừng và Hy Vọng' như sau: *"Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô, và không có gì thực sự là của con người mà lại không có âm hưởng trong lòng họ... Họ phải cảm thấy thực sự liên hệ mật thiết với loài người và lịch sử nhân loại."*[15]

III.3 Một thúc đẩy mới cho sứ vụ Phúc Âm hóa: Sự dâng hiến bản thân thật sự của người thánh hiến là một thúc đẩy mới cho sứ vụ Phúc Âm hóa, vì sứ vụ nhiệt tâm xây dựng Nước Chúa và mang ơn cứu rỗi cho mọi người "cốt ở việc làm cho chính Chúa Kitô hiện diện bằng chứng tá bản thân của người tận hiến" (VC số 72), vì người tu sĩ trước hết là một người được cứu chuộc, mang nơi mình ơn cứu chuộc và biểu lộ ơn đó ra cho người khác.

III.4 Đóng góp lớn lao của người nữ thánh hiến

Có một trùng hợp thật ý nghĩa là ĐHTSTQ IV của chúng ta diễn ra trong những lễ mừng Ngày Thế Giới Phụ Nữ tròn 100 tuổi. Xin nhiệt liệt chúc mừng các nữ tu. Hơn bao giờ cả, ngày nay người ta nói nhiều đến giải phóng, bảo vệ và thăng tiến phụ nữ, và xem ra ngoài xã hội nhiều hơn trong Giáo Hội. Thật ra không phải thế, vì ngay từ thời của Ngài, Chúa Giêsu đã ân cần đón nhận sự cộng tác của nhiều phụ nữ theo giúp Ngài và cho họ một vị trí đặc biệt quan trọng, nhất là vai trò của Mẹ Maria và Maria Madalêna dưới chân thập giá, trong biến cố Phục sinh và thời kỳ đầu của Giáo Hội sơ khai, bắt đầu với Lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống đầu tiên.

Tông huấn Đời Sống Thánh Hiến số 57 nói đến phẩm giá và vai trò của người phụ nữ tận hiến như sau: *"Giáo Hội chứng tỏ sự phong phú thiên hình vạn trạng của mình về mặt thiêng liêng, khi biết vượt lên mọi thứ kỳ thị và đón nhận như một hồng phúc đích thực những ân huệ Thiên Chúa ban cho những người nam và người nữ, bởi vì đôi bên đều bình đẳng về phẩm giá... Không thể chối cãi tính cách hợp lý của nhiều đòi hỏi liên quan đến vị trí của người nữ trong nhiều môi trường xã hội và Giáo hội. Cũng nên ghi nhận rằng những ý thức mới của các phụ nữ về chính mình đã giúp những người nam xét lại não trạng, cách hiểu về chính bản thân họ, cách họ tự định vị trong lịch sử, và cách họ giải thích lịch sử, tổ chức đời sống xã hội, chính trị, kinh tế, tôn giáo và đời sống Giáo Hội... Và người nữ tận hiến góp phần loại trừ một số quan niệm một chiều không giúp nhìn nhận trọn vẹn phẩm giá của người nữ, nhìn nhận phần đóng góp chuyên biệt của họ vào đời sống, hoạt động mục vụ và*

truyền giáo của Giáo Hội”[16]

Tông Huấn viết tiếp: “*Giáo Hội trông chờ nhiều vào phần đóng góp độc đáo của các phụ nữ tận hiến trong việc phát triển đạo lý, phong hóa, đời sống gia đình và xã hội, đặc biệt trong những gì liên quan đến phẩm giá phụ nữ và tôn trọng đời sống con người... họ có nhiệm vụ thăng tiến một phong trào nữ quyền mới, không bị cám dỗ họa lại mô hình trọng nam khinh nữ, ngộ hầu nhìn nhận và diễn tả thiên tài chân thực của nữ giới.*”[17]

Huấn thị Xuất Phát Lại Từ Chúa Kitô nói đến **thiên tài nữ tính**, cũng là **thiên tài mẫu tính** của người nữ, với những đức tính dịu dàng, nhẫn nại, bao dung, từ tâm, đặc biệt là người nữ thánh hiến luôn sẵn sàng nghiêng mình xuống trên những người khổ đau, tinh thần lẫn thể chất, để phục vụ họ, nâng đỡ họ vì yêu thương họ, và nhận ra Chúa Giêsu trong họ. Phần IV của Huấn thị sẽ nói nhiều đến những phục vụ rất đa dạng và hiệu quả của thiên tài nữ tính này.

Do đó, ngày nay cần phải đào sâu và mở rộng cơ hội cho phụ nữ tham gia vào mọi lãnh vực, trên mọi bình diện, kể cả tiến trình quyết định liên quan đến phụ nữ, ngay cả trong các Bộ của Giáo triều Rôma. Một biến cố thời sự chứng minh điều vừa nói là Vatican loan báo rằng ngày 21/1/2010 vừa qua, ĐTC Biển Đức 16 đã bổ nhiệm Cô Flaminia Giovanelli là người phụ nữ đầu tiên nắm giữ vị trí Phó Thư Ký của Hội Đồng Giáo Hoàng Công Lý và Hòa Bình. Cô sẽ làm việc bên cạnh ĐHY Chủ tịch Peter Turkson và ĐGM Thư ký Mario Toso. Thông cáo của Vatican đã nói rằng “*việc bổ nhiệm cô Giovanelli khẳng định lòng tín nhiệm lớn lao mà Giáo Hội và ĐTC Biển Đức 16 đặt để nơi giới phụ nữ. Trong thời của Ngài, ĐTC đáng kính Gioan Phaolô II cũng đã nhấn mạnh sự cần thiết của một tham gia ý nghĩa và đầy đủ hơn của giới phụ nữ vào sự phát triển xã hội.*”[18]

Hãng CWN ngày 22/1/2010 còn ghi thêm: “*Một nữ giáo dân người Úc, Rosemary Goldie, cũng đã ở vị trí tương đương tại HĐ giáo hoàng về Giáo Dân từ 1966 đến 1976. Một nữ tu người Ý, Soeur Enrica Rosanna, hiện đang giữ cùng chức vụ tại Thánh Bộ Tu Sĩ.*”[19]

Chính ĐTC Gioan Phaolô II đã tuyên bố: “*Ngỡ lời với các phụ nữ tận hiến với khả năng tận tâm phi thường của họ, tôi nói lên một lần nữa sự thán phục và lòng biết ơn của toàn thể Giáo Hội. Giáo Hội nâng đỡ họ, vì họ đang sống viên mãn và vui tươi ơn gọi của họ, họ đang cảm thấy được kêu mời chu toàn một nhiệm vụ cao cả là huấn luyện người phụ nữ hôm nay*”[20]

Chúng ta cùng xem những hoạt động nổi bật sau đây của thiên tài nữ tính của các người nữ thánh hiến mà huấn thị nói đến.

4.a Hằng say truyền giáo: Lời cảm ơn đặc biệt được gửi đến những người đang ở tuyến đầu rao giảng Tin Mừng, được thôi thúc đi đến những nơi khó khăn, dù có phải gặp rủi ro hay hy sinh mạng sống[21]

4.b Công tác từ thiện bác ái: Với một quan tâm mới, họ tìm đến săn sóc các bệnh nhân, người túng thiếu và đau khổ vì sự nghèo khó theo hình thức cũ, cũng như sự nghèo khó theo hình thức mới, là thất vọng vì cuộc sống vô nghĩa, tình trạng nghiện ngập ma túy, sợ bị ruồng bỏ vì tuổi già hay vì bệnh tật, HIV/AIDS, sống bên lề xã hội hay bị phân biệt đối xử trong xã hội. Người thánh hiến được mời gọi nhận ra nơi bản thân người nghèo sự hiện diện đặc biệt của Chúa Kitô; đồng thời nhận ra tiếng nói của Người qua lời cầu cứu vang lên từ thể giới nghèo đói, và qua cả lời van xin tha thứ của người lầm lỗi trong hình thức nghèo khó mới mà Chúa Giêsu vẫn tiếp tục cầu bầu cho họ như Ngài đã làm trên thập giá.[22]

4.c Tham gia vào nền giáo dục kitô giáo: Người nữ thánh hiến ý thức sâu xa rằng chỉ trợ giúp người túng thiếu mà thôi thì không đủ, còn phải tìm cách loại trừ và nhổ tận gốc nguyên nhân gây ra cảnh túng thiếu.... qua việc dẫn thân một cách nghiêm túc trong lãnh vực giáo dục, vì giáo dục là chìa khóa vạn năng (passe-partout) mở được mọi cánh cửa của cuộc sống: giáo dục đức tin, dạy giáo lý, đào tạo tri thức... Cần cổ vũ trong lòng đời sống thánh hiến một sự đổi mới trong việc dẫn thân vào môi trường văn hoá, nhằm nâng cao trình độ cá nhân và chuẩn bị cho một cuộc đối thoại giữa đức tin và não trạng thời đại, cổ vũ việc Phúc âm hoá các nền văn hoá như là việc phục vụ sự thật. Để việc đó được hiệu quả, người thánh hiến nổi dài tiếng nói của Giáo Hội, cổ vũ sự biến đổi xã hội qua các phương tiện truyền thông xã hội là cần thiết hơn bao giờ hết[23]

Trong lãnh vực này, chúng ta không thể không nhắc lại Quan điểm của HĐGMVN về nền

giáo dục kitô giáo: "Ngày nay, một trong những điều gây nhức nhối lương tâm là sự gian dối trong nhiều lãnh vực, kể cả trong môi trường cần đến sự thật nhiều nhất là giáo dục học đường. Chắc chắn tất cả những ai tha thiết với tiền đồ của đất nước và dân tộc không thể không quan tâm đến tình trạng này... Do đó, việc giáo dục đạo đức và lương tâm phải là trách nhiệm hàng đầu của toàn xã hội, và cần đến sự tham gia tích cực của người dân cũng như các tổ chức xã hội"[24]

Cao hơn trong phẩm trật và xa hơn trong thời gian, các nghị phụ Công đồng Vaticanô II đã viết trong Tuyên Ngôn về Giáo dục Kitô giáo (28/10/1965) rằng: "Thánh Công Đồng tỏ lòng biết ơn sâu xa đối với các linh mục, tu sĩ nam nữ và giáo dân, đã tự hiến theo tinh thần Phúc Âm dẫn thân vào công cuộc trọng đại này là giáo dục trong các trường thuộc mọi cấp và mọi ngành. Đồng thời khuyến khích họ hãy quảng đại và kiên tâm trong bốn phận đã lãnh nhận, nỗ lực vươn lên trong việc đào luyện học sinh thấm nhuần tinh thần của Chúa Kitô, trong khoa sư phạm và trong việc trau dồi kiến thức, để họ không những đẩy mạnh cuộc canh tân bên trong Giáo Hội mà còn duy trì và phát huy thêm sự hiện diện hữu ích của Giáo Hội trong thế giới ngày nay, nhất là trong giới trí thức."[25]

4.d Hậu phương thiêng liêng: Đời sống cầu nguyện chiêm niệm của các nữ đan sĩ làm hậu phương thiêng liêng cho những người hoạt động tông đồ Phúc âm hóa thế giới ở tuyến đầu, vốn xác tín chọn sống giữa những người bị loại trừ, di dân, nhỏ bé, và chia sẻ với họ.[26]

4.e Chứng tá Đức tin và Tử đạo: Số chứng nhân đức tin và tình yêu Nước Trời đi đến tận thập giá ngày càng gia tăng, dù cơ hội và hoàn cảnh khác nhau, mà động cơ tử đạo luôn vẫn là một: đó là trung thành với Chúa và Tin Mừng.

IV. NGƯỜI THÁNH HIẾN PHẢI LUÔN RỘNG MỞ CHO CHÚA THÁNH THẦN[27]

Trong chiều kích hướng nội (Ad intra), ba ngôi Thiên Chúa là một duy nhất, nhưng xét về chiều kích hoạt động hướng ngoại cho tạo thành (Ad extra), ba ngôi Thiên Chúa có một ngôi vị khác biệt và một hành động bổ túc nhau: Chúa Cha sáng tạo, Chúa Con cứu chuộc và Chúa Thánh Thần thánh hóa.

Thời đại chúng ta đang sống là thời Thánh Khí thấm nhập và mở ra những triển vọng mới qua các đặc sủng đa dạng mà Ngài không ngừng ban xuống, thúc đẩy và phát triển nơi mỗi con người, cũng như nơi mỗi cộng đồng của các hình thức thánh hiến.

Những người sống đời thánh hiến đang cộng tác cùng với Chúa Thánh Thần chuẩn bị Giáo hội cho ngày tái lâm vinh quang trong Trời mới Đất mới của Chúa Kitô, Ngài là tương lai của nhân loại phát triển tới tầm mức viên mãn.

Mẹ Maria là người nữ toàn hiến bản thân đầu tiên đã nhờ Chúa Thánh Thần mà mang Chúa Kitô đến trong thế gian để cứu chuộc thế gian thể nào, thì người tận hiến hôm nay cũng nhờ ngoan ngùy với Chúa Thánh Thần mà đặt cược tất cả vào đức ái để thi hành lệnh truyền yêu thương cách thiết thực và cụ thể đối với mọi người thế ấy. Mẹ phụng sự Chúa cách nhiệt thành trong Thánh Thần, hân hoan trong hi vọng, mạnh mẽ trong thử thách, bền bỉ trong cầu nguyện, và Mẹ hằng bầu cử cho chúng ta, nâng đỡ chúng ta trong việc thực hiện những cam kết hàng ngày, bằng cách biến các lời cam kết ấy trở thành chứng tá của tình yêu.

Như vậy giữa Chúa Thánh Thần và người tận hiến có một khế ước sự sống năng động đặc biệt, nên họ phải luôn luôn rộng mở cho Ngài, Đấng ban mọi ân sủng cho họ trong Chúa Con và luôn hành động phù hợp với thánh ý Chúa Cha. Chính Thánh Thần soi chiếu cho người thánh hiến thấu hiểu mẫu nhiệm trong mọi sự để họ tận tụy với Nước Trời và với quần chúng túng thiếu bị bỏ rơi đang cần đến họ.

Xem đó thì tương lai của đời sống thánh hiến tùy thuộc sự năng động và các đoàn sủng của Chúa Thánh Thần ban xuống trong Giáo Hội để giúp thấu hiểu và thực thi Tin Mừng của Chúa Kitô. Vì thế, Hội Nghị Chuyên Đề tại Thái Lan ước mong "Mỗi cộng đoàn Dòng tu phải phát triển và đào sâu căn tính của các thành viên của mình với tư cách là những con người thánh hiến phù hợp với đặc sủng của Dòng, nhờ đó CÁI HỌ LÀM phát xuất từ CÁI HỌ LÀ khiến cho hoa trái của Chúa Thánh Thần có thể được biểu lộ ra trong những đường lối đa

dạng của cuộc sống họ.”[28]

C. KẾT LUẬN

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã nói với mọi người chúng ta rằng:

“Một thiên niên kỷ mới đang mở ra dưới ánh sáng của Chúa Kitô. Nhưng không phải mọi người đều thấy được ánh sáng này. Nhiệm vụ phi thường và cấp bách của chúng ta là “phản chiếu” ánh sáng đó... Đó là một nhiệm vụ để làm chúng ta thối chí, nếu chúng ta bần khoản về sự yếu kém của con người chúng ta, vốn thường làm cho chúng ta trở nên mờ đục và tràn ngập bóng tối. Tuy nhiên, chúng ta có thể chu toàn nhiệm vụ ấy được, nếu chúng ta quay về với ánh sáng của Chúa Kitô và mở rộng tâm hồn để đón nhận ân huệ biến đổi chúng ta thành tạo vật mới”[29]

Dĩ nhiên phải Xuất Phát Lại Từ Chúa Kitô và luôn tiến bước dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, vì “thử thách to lớn của đời sống dân hiến hôm nay là **sự tục hóa bên trong của đời sống dân hiến**. Đây là lúc để thừa nhận những sai lầm đã phạm. Các cộng đồng tu trì phải trở về với nguồn của đặc sủng thành lập và với những giá trị Tin Mừng. Phải trả lại vị trí trung tâm của đời sống thánh hiến cho đời sống cầu nguyện, đời sống huynh đệ cộng đoàn, ơn khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục. Tái khám phá những giá trị căn bản này để sống chúng và làm chúng cho chúng trong thế giới: đó là cách thế trao ban cho đời sống tu trì một đà vươn lên mới,” như ĐHY Rodé, Tổng trưởng Bộ Tu sĩ nói trong cuộc phỏng vấn do Nhật báo Osservatore Romano ngày 8/11/2007.[30]

Và mới đây, ngày 3/2/2010 tại Naples, ngài còn lặp lại rằng “Nền văn hoá tục hoá đã thâm nhập vào trong tâm trí và tâm hồn của một số cá nhân và một số cộng đoàn sống tận hiến, lấy cơ căn một sự cởi mở với tính hiện đại và một cách để tiếp cận với thế giới đương thời”[31]

Đức JP II dường như cũng đang trực tiếp nói với chúng ta hôm nay: “Các con không những phải nhớ và kể lại một lịch sử huy hoàng, mà còn phải kiến tạo một lịch sử vĩ đại nữa. Hãy hướng về tương lai, tới chỗ mà Thánh Thần đang sai các con đi để làm những việc trọng đại. Các con hãy biến cuộc đời các con thành cuộc trông đợi Chúa Kitô cách sốt sắng... Hãy sẵn sàng luôn luôn, hãy trung thành với Chúa Kitô, với Giáo Hội, với Tu hội của mình và với con người thời đại này. Nhờ thế, ngày qua ngày, các con sẽ được Chúa Kitô đổi mới, và nhờ Thánh Thần trợ giúp, các con sẽ kiến tạo những cộng đoàn huynh đệ,...và góp phần độc đáo của các con vào sự biến hình của thế giới... Mong sao cho thế giới đã được trao vào tay các con sẽ được nhân đạo hơn, công bằng hơn, trở nên dấu chỉ và hình ảnh báo trước thế giới sắp đến...”[32]

Cũng trong tinh thần đó, chúng ta cùng chung quyết tâm với Hội Nghị Chuyên đề tại Thái Lan rằng: “Đời sống thánh hiến, được bắt rễ sâu xa từ gương mẫu và giáo huấn của Chúa Kitô, là quà tặng của Chúa Cha ban cho Giáo hội qua Chúa Thánh Thần” (VC 1). Chúng tôi cầu mong rằng sẽ góp phần làm cho quà tặng này trở nên dấu chỉ đầy sức sống của Nước Thiên Chúa cho thế giới hôm nay.”[33]

Để thực hiện được quyết tâm đó, ĐTC Biển Đức 16 nhắn nhủ chúng ta: “Những ai tin nơi Chúa Giêsu Kitô thì càng có thêm động lực mạnh mẽ hơn để không sợ hãi: Thiên Chúa không bỏ rơi chúng ta và tình yêu của Ngài đến với chúng ta nơi chúng ta đang sống và trong thân phận của chúng ta, để mang lại cho chúng ta cơ hội mới để làm điều thiện... Tôi nồng nhiệt mời gọi đặt niềm hy vọng của chúng ta nơi Thiên Chúa... Niềm hy vọng hướng về Thiên Chúa không bao giờ chỉ là hy vọng cho chúng ta mà thôi, nhưng luôn luôn là hy vọng cho người khác nữa: hy vọng ấy không cô lập chúng ta, nhưng làm cho chúng ta liên đới trong sự thiện, kích thích chúng ta giáo dục lẫn nhau về sự thật và tình thương.”[34]

Trước khi kết thúc phần trình bày của con, con xin hết lòng cảm ơn Đức Cha và toàn thể Hội Nghị đã nhắn nài quan tâm theo dõi. Con xin kính chúc tất cả mọi người một ngày tốt đẹp và thật nhiều ơn Chúa. Nguyên xin Chúa Thánh Thần tiếp tục cho đến hoàn thành tốt đẹp những gì Ngài đã khởi sự với chúng ta và cho chúng ta, đặc biệt qua sự biểu lộ lòng cảm phục và biết ơn của cộng đồng Giáo Hội và thế giới đối với những cống hiến lớn lao trong nhiều lãnh vực cuộc sống của những người sống đời thánh hiến chúng ta, vì đó vừa là lời đánh giá tưởng thưởng cho những gì chúng ta đã làm và đã sống, nhưng quan trọng hơn, vừa là lời cổ vũ và nhắc nhở chúng ta phải cố gắng duy trì và nỗ lực làm tốt sống tốt hơn nữa

hầu làm chứng tá cho tình yêu cứu độ của Thiên Chúa và không phụ lòng những kỳ vọng mà Giáo Hội và thế giới đặt để nơi chúng ta. "Chúng ta cùng nhau cảm ơn Chúa đã ban cho chúng ta ân huệ sống đời tận hiến và hãy cầu xin được tiếp tục mãi như là một dấu hiệu tình xót thương của Chúa trên thế giới." [35] Amen.

Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Số 7 Huấn thị Xuất Phát Lại Từ Chúa Kitô nói đến những nỗ lực mới trong vâng phục và hợp tác của những người thánh hiến, đặc biệt những điểm này: Hiệp nhất, hòa nhập và hòa giải; Gia tăng hợp tác với các Giám mục; Cải thiện các tương quan trong lòng Giáo Hội; Cùng Giáo hội địa phương xây dựng những kế hoạch mục vụ cụ thể để đi đến với con người, làm cho các giá trị Tin Mừng được triển nở; Nỗ lực xây dựng linh đạo hiệp thông.

Bên cạnh đó, Định hướng Năm Thánh Việt Nam 2010 là xây dựng Giáo Hội Mầu Nhiệm – Hiệp Thông – Sứ Vụ mà ĐHY Etchagarey nêu bật trong hai chữ Hòa Giải và Hy Vọng: *"Tôi chỉ muốn nhắc lại hai đề tài của Năm Thánh là hòa giải và hy vọng. Hòa giải là điều mà cả thế giới này đều cần, bởi đây là thời mà hầu như tất cả đều phân hóa... Niềm hy vọng, cũng như sự hòa giải, đòi hỏi sự can đảm, bởi chúng ta đang sống trong một xã hội có rất nhiều những khó khăn thử thách, đối diện với biết bao thất vọng, với hàng ngàn khuôn mặt khác nhau, có khi có những khuôn mặt giả tạo của niềm hy vọng. Có khi chúng ta nói chúng ta hy vọng hay vui mừng vì niềm hy vọng, nhưng thực tế chúng ta lại không có niềm hy vọng... Chúng ta phải hành động để đem lại niềm hy vọng, như chúng ta mà Đức Giêsu đã trình bày... Một xã hội huynh đệ phải được thực hiện từng ngày với những con người tự do, những con người khát khao công lý và tình liên đới"* [36]

Từ đó, chúng ta rút ra mấy câu hỏi để thảo luận:

Trong tinh thần hòa giải và hy vọng của Năm Thánh Việt Nam 2010 Giáo Hội Mầu Nhiệm – HIệp Thông – Sứ Vụ, giới tu sĩ và giáo sĩ chúng ta sẽ sống mối tương quan hợp tác thế nào để hoạt động dưỡng giáo và truyền giáo mang lại những thành quả tốt nhất? Cụ thể trong mấy điểm sau đây:

- 1. Hiện trạng của mối tương quan hợp tác đó có những tích cực và tiêu cực nào?***
- 2. Làm thế nào để khắc phục và xây dựng các mối tương quan đó mỗi ngày một tốt hơn?***
- 3. Phải chăng việc đào tạo và đường lối lãnh đạo là những yếu tố quyết định cho sự thành công của cuộc canh tân Xuất Phát Lại Từ Chúa Kitô?***
- 4. Huấn thị Phục vụ Quyền bính và Vâng phục của Bộ Tu sĩ ngày 11/5/2008 đóng góp thế nào cho việc canh tân thăng tiến đời sống thánh hiến?***

[1] Đời Sống Thánh Hiến, số 37.

[2] Trích Thư Công bố Năm Thánh 2010 của HĐGMVN, số 1.

[3] Vatican City, chiều 2/2/2010.

[4] Huấn thị Xuất Phát Lại Từ Chúa Kitô (XPLTCK), số 5-7.

[5] Roma 2/2/2010, <http://www.zenit.org/article-23412>.

[6] CI 1,24.

[7] Roma, Vendredi 5 février 2010 (ZENIT.org)

[8] Rôma 2/2/2010, <http://www.zenit.org/article-23412>.

[9] Xem thêm XPLTCK, số 35

- [10] Đời Sống Thánh Hiến, số 72.
- [11] UCAN 3/3/2010.
- [12] XPLTCK, số 8.
- [13] XPLTCK, số 9.
- [14] Đời Sống Thánh Hiến, số 72.
- [15] Hiến chế Vui Mừng và Hy Vọng, số 1.
- [16] Đời Sống Thánh Hiến, số 57.
- [17] Ibid., số 58.
- [18] CNA, Vatican City, January 21, 2010.
- [19] CWN ngày 22/1/2010.
- [20] Đời Sống Thánh Hiến, số 58.
- [21] Loan Báo Tin Mừng Evangelii Nuntiandi, số 69.
- [22] x. XPLTCK, số 35.
- [23] Ibid., số 39.
- [24] Quan điểm của HĐGMVN về một số vấn đề trong hoàn cảnh hiện nay, I, 2&3, làm tại Xuân Lộc ngày 25/9/2008.
- [25] Vat. II, Tuyên ngôn về Giáo dục kitô giáo, phần kết luận.
- [26] x. Đức Ái Hoàn Hào, số 7; Đời Sống Thánh Hiến, số 8 và 59.
- [27] XPLTCK, số 10.
- [28] Trích Tuyên Bố Chung của Hội Nghị Chuyên Đề về **"Ảnh Hưởng của Nền Văn Hóa Hôm Nay trên Đời Sống Thánh Hiến"** do Ủy Ban Đời Sống Thánh Hiến thuộc Liên Hiệp Các Hội Đồng Giám Mục Á Châu tổ chức từ ngày 16-21/11/2009 tại Nhà Tĩnh Tâm Salêdiêng ở Hua Hin, Thái Lan.
- [29] JP. II, Ngàn Năm Mới, số 54.
- [30] x. Cuộc phỏng vấn ĐHY Rodé do nhật báo Osservatore Romano ngày 8/11/2007.
- [31] Theo thông tấn CNS ngày 5/2/2010.
- [32] Đời Sống Thánh Hiến, số 110.
- [33] Trích Tuyên Bố Chung của Hội Nghị Chuyên Đề về **"Ảnh Hưởng của Nền Văn Hóa Hôm Nay trên Đời Sống Thánh Hiến"**...
- [34] Trích Thư ngày 23/2/2008 của ĐTC Biển Đức XVI về Giáo dục, VietCatholic News, Thứ Hai 25/02/2008 12:38.
- [35] ĐTC Biển Đức XVI nói nhân Ngày Thế Giới Đời Sống Thánh Hiến 2006, Vatican City 29/1/2006, Zenit.org.
- [36] Trích phát biểu của Đức Hồng y Etchégaray trước Thánh lễ khai mạc Năm Thánh 2010 tại Sở Kiện.

Lm. Trần Minh Huy, pss

Ngày xưa, có lần một cậu học trò nói với tôi: "Thầy ạ, em thích nhạc Lê Hữu Hà, nhưng có một câu hát em không đồng ý." Tôi hỏi, "Em không đồng ý câu gì?" Cậu học trò đáp: "Đó là câu: *Bạn thân ơi, cố gắng yêu thương đời...* Em nghĩ, yêu là một tình cảm rất tự nhiên, yêu là tự lòng mình yêu, tự trái tim mình rung động. Yêu mà lòng phải ép uống, yêu mà bảo trái tim phải cố gắng rung động, em nghĩ không phải là yêu nữa!"

Tôi đã nhìn thật sâu vào đôi mắt cậu học trò để cố tìm hiểu xem điều gì đã xảy ra cho cậu, khiến cậu không muốn "cố gắng yêu thương đời" như thế. Cậu học trò người miền Trung, hiếu học và đa tài, cha mất sớm chỉ còn mẹ. Bà mẹ quê muốn con có tương lai mà không biết phải làm gì với sự hiểu biết hạn hẹp của mình, bà để mặc cho con tự định liệu. Cậu bé rời bỏ miền Trung khô cằn tìm đến Sài Gòn hoa lệ. xin vào sống trong cô nhi viện Lâm Tì Ni do các ni cô Phật giáo coi sóc, rồi chạy vạy kiếm tiền đi học trường tư. Cuộc sống đặc biệt hơn những bạn bè cùng lớp khiến cậu trưởng thành sớm, hay suy tư và thường có những câu hỏi về ý nghĩa đời người. Tôi biết chắc rằng cậu đã gặp nhiều đắng cay, chua chát trong cuộc sống.

Ngày hôm ấy, tôi không trả lời cậu học trò. Tôi cảm thấy phần nào đó cậu có lí. Mới hai mươi mấy tuổi, tôi không đủ kinh nghiệm trường đời để trả lời cho cậu học trò chỉ kém mình bảy, tám tuổi về một vấn đề sâu xa của kiếp người. Tôi rủ cậu đi uống cà phê, và để cho cậu nhận xét về chuyện "cố gắng yêu thương đời" của cậu bé theo những giọt cà phê đắng thấm vào tâm can tôi.

Chuyện xảy ra đã hai mươi năm. Bây giờ tôi đã lớn, đã sống cuộc sống của tôi, qua bao nhiêu đoạn đường, bao nhiêu thăng trầm trôi nổi, bao nhiêu ngọt ngào cay đắng, bao nhiêu thương ghét, vui buồn... và tôi khám phá ra rằng có thứ tình yêu tự nhiên, nhưng bên cạnh đó, cũng có thứ tình yêu phải cố gắng. Cả hai thứ tình yêu này đều có giá trị riêng và đều đáng quý. Người biết yêu là người không từ chối, hay nói đúng hơn, không để lòng mình hạn hẹp ở trong, một thứ tình yêu nào cả.

Yêu cha, yêu mẹ, với tôi là một tình yêu tự nhiên, không có vấn đề cố gắng hay không cố gắng. Yêu cha mẹ, điều ấy đương nhiên quá. Nhưng nếu phân tích ra, thì tình yêu ấy đương nhiên, trước hết vì Thiên Chúa đã đặt một mối dây thân tình ruột thịt giữa cha mẹ và con cái. Sợi dây ấy vô hình nhưng ràng buộc cha mẹ, con cái một cách bền chặt, sâu đậm. Thứ nữa, vì cha mẹ tôi yêu tôi quá, tốt với tôi quá hi sinh cho tôi nhiều quá ... làm sao tôi không yêu cha mẹ tôi cho được.

Rồi khi có người tình, tôi yêu người tình say đắm, yêu khi người ấy dễ thương với tôi, và cả khi người ấy dễ ghét. Tôi như khám phá ra tôi, tìm được chính bản thể tôi trong người ấy. Lắm khi tôi lạ lùng tự hỏi, tại sao mình yêu người ấy đến như thế, dù người ấy không gần gũi tôi như cha mẹ tôi, không có một thời gian sống cạnh nhau lâu dài để mà biểu lộ lòng hi sinh cao độ như cha mẹ tôi đã biểu lộ, cũng chưa từng chia sẻ với tôi một cách tận cùng những khó khăn, cực nhọc trong cuộc sống. Thế mà tôi vẫn cứ yêu, yêu đắm say, cuồng nhiệt. Sau này, tôi biết được trong tình yêu nam nữ, có ba loại tình. Thứ nhất là tình "nếu". Tôi yêu người ấy, nếu người ấy thế này hay thế khác. Tình "nếu" chỉ là thứ bánh vẽ, thực ra thì tôi không yêu, bởi vì người ấy có như thế đâu? Thứ hai là tình "vì". Tôi yêu người ấy, vì người ấy thế nọ, thế kia. Tình "vì" là thứ tình có điều kiện, và thường là vụ lợi. Nếu người ấy không còn những cái mà "vì" nó, tôi yêu người ấy, thì có nghĩa là khi người ấy mất những cái đó, tôi không còn yêu nữa! Thứ ba là tình "mặc dầu", tôi yêu người ấy, "mặc dầu" người ấy sẽ như thế nào đi nữa. Tình "mặc dầu" là tình vô điều kiện, tình quảng đại và vững bền. Tôi nghĩ tình của tôi dành cho người tình là thứ tình "mặc dầu" ấy.

Tôi yêu vợ con, với thứ tình vừa nồng nàn của ảnh yêu, vừa êm đềm gắn bó của tình nghĩa. Một thứ bốn phận, trách nhiệm ràng buộc tôi với vợ con. Tôi mang bốn phận, trách nhiệm ấy như mang một thứ "ách êm ái, nhẹ nhàng" khiến cho cuộc sống của tôi có ý nghĩa. Tôi là một người cần thiết, là chỗ tựa nương cho người khác, mà những "người khác" ấy lại chính là những người tôi rất mực yêu thương, trân trọng. Điều ấy làm cho tôi vui và hạnh diện. Tình tôi dành cho vợ con đúng là thứ tình "mặc dầu" trọn vẹn nhất.

Và tôi yêu thương bạn bè. Tình bạn là một tặng phẩm quý giá Thiên Chúa dành cho tôi.

Tôi có nhiều bạn và rất quý bạn. Tôi cũng thích chiều bạn và vui khi thấy bạn vui. Chiều bạn và không đòi hỏi điều gì quá đáng nơi bạn, đó là nguyên tắc giúp tôi giữ được tình bạn lâu dài. Tôi có bạn đồng tâm và bạn đồng chí. Bạn đồng tâm là người bạn mà tôi có thể kể hết những khúc mắc trong lòng, những bí mật của cuộc sống một cách tự nhiên, tin cẩn, không hề e ngại, không sợ bị hiểu lầm, phản bội. Tôi cũng sẵn lòng nghe bạn tâm sự và sẵn lòng cảm thông với bạn. Bạn đồng chí là những người bạn gần tôi trong lí tưởng. Chúng tôi nương vào nhau để cùng hướng về đích điểm, cùng đạt mục tiêu. Chúng tôi chia sẻ với nhau những gian lao vất vả, cùng nắm tay nhau tiến bước, nâng đỡ, khuyến khích nhau trong hành động. Cũng có khi bạn đồng chí sau này trở thành bạn đồng tâm và ngược lại. Là bạn đồng chí, chúng tôi có thể cười với nhau, nhưng khi là bạn đồng tâm, chúng tôi còn có thể khóc với nhau. Tôi thấy yêu bạn thật là dễ, không mấy khi phải cố gắng.

Và chung quanh tôi còn biết bao nhiêu người đáng yêu đáng mến, những người tôi cảm thấy sung sướng, hạnh phúc khi được gần họ. Những người mà nếu được gặp họ, tôi thấy ngày hôm ấy vui hơn, dễ thương hơn, tươi đẹp hơn.

Nếu thực sự tình yêu là cái gì tự nhiên, không cần rán sức cố gắng gì cả, thì gần đó người đã đủ cho tôi yêu thương, quý mến. Nhưng bên cạnh những người ấy, còn có những điều và những người, mà theo sự tự nhiên, không những tôi không yêu, mà còn phải ghét.

Cái đầu tiên, theo lẽ tự nhiên là đáng ghét, chính là cuộc đời. Đời sống đúng là nỗi ưu phiền cay đắng của tôi. Tôi hi vọng, cuộc đời làm cho tôi thất vọng. Tôi ước mơ hạnh phúc, cuộc đời đem lại cho tôi nỗi đớn đau. Tôi muốn sống bình an, cuộc đời đẩy đưa tôi đi vào sóng gió. Tôi mong được nếm hương vị ngọt ngào, cuộc đời dâng tặng tôi toàn những đắng cay chua chát. Tôi muốn được cư xử bình đẳng, cuộc đời đối xử với tôi một cách bất công. Tôi cần được thông cảm, cuộc đời khắt khe lên án tôi. Tôi cần được ủi an nâng đỡ, cuộc đời cho tôi sự lạnh lùng và vùi dập. Tôi thích sống chân thật, cuộc đời đầy những giả trá điều ngoa. Tôi muốn sống yêu thương, cuộc đời cho tôi hận thù. Dĩ nhiên, phải công bình mà nói, nhiều khi cuộc đời cũng cho tôi niềm vui và hạnh phúc, nhưng nếu đem ra mà cân thì đĩa cân đựng những buồn phiền bất như ý bao giờ cũng nặng hơn. Chẳng thế, mà bao giờ người ta cũng nói về cuộc đời, thế gian, trần gian... kèm theo một tiếng thở dài.

Cuộc đời nói cho cùng là những hoàn cảnh sống do chính con người tạo nên. Và bởi vì có nhiều người không tốt nên có nhiều cảnh đời đáng buồn. Khi nói rằng "cố gắng yêu thương đời" thì cũng có nghĩa là "cố gắng yêu thương người". Người đáng ghét, người không dễ thương, cho nên muốn yêu thương người, tôi cần phải cố gắng.

Vấn đề là ở chỗ: tôi có nên, có cần phải cố gắng để yêu thương người hay không. Và yêu một cách cố gắng như vậy tình yêu có giá trị không? .

Người ta được sinh ra đời, chia sẻ với nhau kiếp người. Nghe đến chữ "kiếp người" hay "kiếp nhân sinh", không cần phải hiểu sâu xa cho lắm, ai cũng thấy cái "kiếp" ấy đầy những đau buồn, đó là một cái "thấy" vừa do kinh nghiệm vừa do trực giác nên nó đúng lắm. Muốn cho cái kiếp ấy đỡ đau buồn, chỉ có một cách là có nhiều người sống đẹp, cư xử tốt với những người khác. Mà ta đừng chờ mong người khác sống đẹp trước, cư xử tốt trước. Chính ta là người phải thực hiện điều ấy trước người khác. Ở một xã hội có nhiều người dám đi bước trước trong cách sống đẹp, dám có can đảm chấp nhận thiệt thòi mà không đòi co hơn thiệt, xã hội ấy sẽ đẹp hơn, dễ thương hơn, hay ít nhất là cũng dễ thở hơn.

Sống đẹp, cư xử tốt là cách nói khác của chữ "yêu thương". Trong khi ta yêu thương người, mà người chưa theo kịp ta để cũng sống yêu thương, thì một là ta bỏ cuộc, hai là ta phải cố gắng. Chuyện rất đơn giản.

Thường người ta cảm thấy người khác khó thương, không tha thứ được, khi cái khó thương của họ ảnh hưởng trực tiếp trên ta. Một người làm điều xấu cho một người khác, ta có thể thông cảm được, hay ít nhất là chê trách rồi cũng bỏ qua được. Nhưng khi người ấy làm hại chính ta, ta không thể bỏ qua, không thể chấp nhận được hành động ấy. Đó là phản ứng chung của con người, và điều ấy biểu lộ lòng thiếu quảng đại. Người "cố gắng yêu thương đời" là người tập sống quảng đại, tập sống vượt lên trên cái bản chất bình thường của một con người. "Cố gắng yêu thương đời" tức là đang tập sống với thứ tình yêu "mặc dầu": mặc dầu đời không yêu ta, mặc dầu đời bao gian dối, mặc dầu đời cay đắng như vôi... thì ta vẫn cứ yêu thương đời như thường! Sống như thế, yêu như thế tức là chọn thái độ can đảm, không bỏ cuộc.

Yêu thương người đời cũng chính là yêu thương mình. Bởi vì mình cũng là một sinh vật đầy những khuyết điểm như những con người khác. Khi ta biết thông cảm với người và yêu thương người, ta cũng dễ thông cảm với chính ta và yêu thương ta. Thông cảm và yêu thương một cách ý thức, chứ không phải là dễ dàng bỏ qua tất cả những cái xấu xa của mình và tìm tư lợi cho mình chỉ vì tính vị kỉ.

Như thế thì cố gắng yêu thương đời, yêu thương người là điều nên làm lắm và tình yêu ấy cũng có giá trị lắm. Tôi cảm thấy tình yêu tự nhiên giống như một bông hoa, tỏa hương thơm nhẹ nhàng quyến rũ, còn tình yêu do sự cố gắng giống như một trái cây, trải qua nhiều phen mưa nắng, qua bao đợt trưởng thành từ chát qua chua, từ chua sang ngọt. Qua bao nhiêu ngày phơi mình dưới ánh nắng mặt trời gay gắt, trái cây ấy chín, thơm tho ngon ngọt, đem lại khoái cảm cho khứu giác và vị giác con người.

Tôi mong ước một ngày nào đó, được gặp lại cậu học trò cũ, và chia sẻ với cậu về kinh nghiệm "cố gắng yêu thương đời" của mình. Tôi muốn nói với cậu học trò ấy rằng sự cố gắng trong tình yêu có một giá trị đặc biệt và có vẻ đẹp riêng của nó. Nhưng, cũng có thể tôi không cần nói gì cả. Cậu học trò nhỏ ngày nào bây giờ nếu gặp lại, cũng là một người trưởng thành với số tuổi băm lăm, băm sáu. Cậu đã sống cuộc đời của cậu, và tôi nghĩ cậu đã không bỏ cuộc trong đời sống tình cảm con người. Nếu không bỏ cuộc, thì tất nhiên cậu cũng trải qua kinh nghiệm "cố gắng yêu thương đời" như tôi vậy. Có lẽ thầy trò tôi sẽ ngồi bên nhau, và chúng tôi sẽ cùng lắm nhắm với nhau lên hát: "Bạn thân ơi, cố gắng yêu thương đời, dù đời không yêu ta..."

Chỉ có một điều, tôi muốn chia sẻ với cậu, và nhất định sẽ chia sẻ nếu gặp lại cậu, mặc dầu cậu là một Phật tử và đã có một giai đoạn được các ni cô tại cô nhi viện Lâm Tì Ni dẫn dắt về mặt tâm linh. Điều tôi muốn chia sẻ là lời nói của Chúa Giê su, khi Ngài giảng cho con người về ý nghĩa và giá trị của lòng yêu thương:

"Anh em hãy yêu thù địch, hãy làm ơn cho kẻ ghét anh em, hãy cầu nguyện cho kẻ bắt bớ và vu cáo anh em. Như thế, anh em được nên con cái Cha ở trên trời, là Đấng làm cho mặt trời mọc lên cho kẻ lành và kẻ dữ, cùng làm mưa xuống cho kẻ công chính và kẻ gian ác. Nếu anh em yêu kẻ yêu mình thì anh em có công phúc gì... Và nếu anh em chào hỏi bà con mình thôi, thì nào có hơn gì người khác? (Mát 5, 44-47)

Tôi sẽ nói với cậu học trò rằng: rõ ràng Chúa Giê su muốn người ta "cố gắng yêu thương đời" và yêu thương với thứ tình "mặc dầu"

Nhà Văn Quyên Di

VỀ MỤC LỤC

NỮ GIỚI VỚI BỆNH TIM

Hôm nay lang tôi xin có đôi lời gọi là chúc quý tỷ muội một ngày Valentine thật nhiều tình yêu. Tình yêu của lệnh phu quân. Tình yêu của con cái. Tình yêu từ gia đình quyến thuộc, bạn bè. Và tình yêu đó không chỉ đến trong ngày Valentine, mà mỗi ngày trong cuộc sống đều đều đều nhận được. Và cũng thưa thêm rằng tháng 2 mỗi năm là tháng mà y giới Hoa Kỳ đã dành ra để nhắc nhở quý tỷ muội lưu ý tới tình trạng sức khỏe của trái tim.

Vì mỗi khi nói đến tình yêu, thì ta lại liên tưởng tới trái tim. Không hiểu từ bao giờ, trái tim đã được coi như trung tâm của suy luận, cảm xúc cũng như biểu tượng của tình yêu, của sự thân thương. Nữ tu bác ái Teresa từng nói : ""A joyful heart is the inevitable result of a heart burning with love." Một trái tim tràn ngập niềm vui là kết quả không tránh được của trái tim nóng bỏng với tình yêu".

Trái tim của tỷ muội cũng nhiều tình yêu như vậy, mặc dù nó chỉ bé nhỏ bằng bàn tay nắm chặt nặng có 234 gr, nhẹ hơn trái tim nam những 76 gr. Tuy nhỏ nhưng tim tỷ muội đập nhanh hơn nam 5 nhịp mỗi phút. Và với 80 nhịp/ phút, trái tim bơm gần 35,000 lít máu một ngày vào 170,000 km mạch máu lớn nhỏ để mang oxy, thực phẩm nuôi dưỡng cơ thể. Tim là bộ phận không những quan trọng mà còn cần thiết cho cơ thể, vì khi trái tim ngưng

làm việc thì sự sống của con người cũng không còn. Do đó, sách Proverbs 4:23 có nói "Trên hết mọi sự, hãy bảo vệ trái tim vì đây là suối nguồn của sự sống".

Dông dài như vậy là để nhấn mạnh tới sự thiết yếu nhưng cũng mỏng manh, dễ bệnh hoạn của trái tim khi mà tim ta ngày đêm liên tục làm việc.

Vậy mà theo thống kê, bệnh về tim của nữ giới đã có một thời kỳ lâu dài không được y giới, công luận và chính quý tỷ muội lưu tâm. Đã có nhiều vị ngộ nhận cho rằng mình ít bị bệnh tim mạch hơn là đàn ông. Đúng ra đây không phải sơ sót từ tỷ muội mà từ các nhà khoa học. Số là vào thập niên 1950, nghiên cứu do Framingham Heart Study thực hiện đã kết luận là trái tim nữ giới, nhìn chung, được miễn nhiễm với bệnh tim và y giới lặp lại, tin theo.

Hậu quả của ngộ nhận này là, theo một báo cáo đặc biệt của Hội Tim Hoa Kỳ, chỉ có 21% nữ giới ý thức được rằng bệnh tim là sát thủ số 1 của mình. Về phía y giới thì chỉ có 8% bác sĩ gia đình, 17% bác sĩ tim mạch biết rằng tử vong vì bệnh tim ở nữ giới cao hơn nam giới. (National Study of Physician Awareness and Adherence to cardiovascular Disease Prevention Guidelines." Circulation: Journal of the American Heart Association. 2005 111: 499-510). Từ đó người ta đã ít bao gồm nữ giới vào các nghiên cứu y khoa học về bệnh tim và đã áp dụng điều trị, phòng ngừa bệnh tim của quý bà quý cô với kết quả nghiên cứu từ người nam.

May mắn là tới thập niên 1980, các nghiên cứu khác đã điều chỉnh sai sót này với chứng minh rằng ở tuổi cao nữ cũng mắc bệnh tim như nam.

Rồi phải đợi tới năm 2001, Viện Y học Hoa Kỳ mới đưa ra kết quả nghiên cứu cho hay có một số khác biệt giữa bệnh tim của nam và nữ, đặc biệt là nguyên lý sinh bệnh, về dấu hiệu.

Thực tế ngày nay đã chứng minh rằng tại Hoa Kỳ:

- tỷ lệ phụ nữ mắc phần vì cơn đau tim dẫn đầu trong số các tử vong ở nữ giới;
- rằng cứ 1 trên 4 phụ nữ chết vì bệnh tim thì tử vong vì ung thư vú thấp hơn, chỉ có 1/30;
- rằng 23% phụ nữ sẽ thiệt mạng trong vòng 1 năm sau khi bị cơn đau tim heart attack và chỉ có 2/3 là phục hồi hoàn toàn ;
- rằng trong vòng 6 năm sau đó thì 46% trong số này rơi vào tình trạng suy tim;
- rằng mỗi năm có 450,000 nữ nhân thiệt mạng vì bệnh tim mạch và 64% nữ nhân bất chợt từ giã cõi đời ra đi vì bệnh tim mà không có dấu hiệu triệu chứng rõ ràng.

Ở tuổi trẻ, phụ nữ tương đối ít bị bệnh tim nhờ được hormon nữ estrogen bảo vệ, nhưng gần tới tuổi mãn kinh thì bệnh xảy ra nhiều hơn. Với nữ nhân tuổi từ 45 tới 64 thì cứ 8 người có 1 người đã mang một loại bệnh tim nào đó và khi tới tuổi 65 thì nguy cơ tăng tới 1 trên 4.

Ngoài ra, nghiên cứu cho hay bệnh tim ở nữ giới có một số khác biệt so với nam giới:

- Ở nam giới, cholesterol quá cao kết tụ thành mảng ở lòng động mạch lớn thì ở nữ giới chúng phân tán mỏng tại các mạch máu nhỏ cho nên xét nghiệm X-quang đôi khi không khám phá ra được. Sự phân tán mỏng này cũng đủ để gây ra trở ngại tuần hoàn nuôi dưỡng tế bào tim.

- Nữ giới thường chần chừ lâu hơn mới tới bệnh viện khi có dấu hiệu cơn đau tim vì cứ cho rằng các dấu hiệu này là do khó khăn tiêu hóa hoặc stress hoặc trì hoãn vì không muốn tạo ra lo lắng cho người thân. Mà khi tới bệnh viện thì các bác sĩ cũng chậm chạp trong việc chẩn đoán, điều trị vì dấu hiệu bệnh không rõ ràng.

- Sau mỗi cơn đau tim, các thuốc đặc trị, đặt stent, phẫu thuật nối cầu động mạch cũng ít được dùng ở bệnh nhân nữ so với nam bệnh nhân.

- Một năm sau cơn đau tim, tỷ lệ tử vong ở nữ là 38% trong khi nam chỉ có 26%.
- Trong mấy tuần lễ đầu sau cơn đau tim thì tỷ lệ tử vong ở nữ cao gấp đôi so với người nam.
- Sáu năm sau suy tim, tình trạng bất lực ở phụ nữ cũng cao hơn nam.
- Tử vong sau phẫu thuật nối cầu động mạch tim ở nữ giới cao hơn nam, nhất là bệnh nhân trong tuổi 49-50.
- Nữ giới thường bị bệnh tim ở tuổi trẻ hơn nam nhưng biến chứng lại tai hại hơn. Riêng phụ nữ đau tim mà hút thuốc lá thì sẽ thiệt mạng ở tuổi trẻ hơn.

Nghe mà phát sợ phải không quý tỷ muội.

Nhưng xin hãy an tâm, vì ngày nay bệnh tim của quý tỷ muội đã được y giới cũng như các tổ chức dân sự lưu ý rất nhiều. Và trong vòng mười năm vừa qua, rất nhiều quý tỷ muội cũng đã tham gia tìm hiểu bệnh tình và tìm kiếm điều trị bệnh tim hơn là trước đây. Vì có bệnh thì vái tứ phương.

Tại Hoa Kỳ, tổ chức "Heart Truth" Sự Thật về Trái Tim đã liên tục nhắc nhở rằng nữ giới cũng bị bệnh tim như nam giới, đôi khi còn trầm trọng hơn. Họ cũng khích lệ quý bà dành nhiều cố gắng trong việc phòng tránh các rủi ro gây ra bệnh tim mạch. Chiếc áo đầm màu đỏ Red Dress mặc trong tháng 2 hàng năm là biểu tượng cho chiến dịch này. Nó nhắc nhở mọi người rằng Bệnh tim mạch là Sát thủ số 1 ở nữ giới.

Năm 2007, Hội Tim Mạch Hoa Kỳ đưa ra một hướng dẫn nhấn mạnh tới sự phòng tránh, điều trị bệnh tim ở nữ giới từ tuổi 20 trở lên. Hướng dẫn tập trung đặc biệt vào đời sống lành mạnh, lưu tâm tới các rủi ro gây ra bệnh tim và sử dụng thuốc đúng theo chỉ định.

Lang tôi xin tóm lược sau đây những điều cần làm để trái tim được luôn luôn khỏe mạnh, hoàn thành mỹ mãn việc bảo vệ sự sống con người và tiếp tục cho và nhận tình yêu.

Dấu hiệu bệnh tim

Cần thuộc lòng các dấu hiệu chính ở nam cũng như nữ như sau:

1-Cảm giác ĐAU:

-Đột nhiên thấy khó chịu hoặc đau trước ngực, cổ, hàm, vai, tay. Cơn đau kéo dài trên vài phút

-Đau như có gì chày bòng, siết ép đè nặng lên ngực.

-Đau không hết khi ngồi nghỉ.

Với nữ giới, cơn đau nhiều khi không rõ ràng: đau khi gắng sức, hết khi nghỉ ngơi.

2- Khó thở, thở hụt hơi

3- Buồn nôn, cảm thấy đầy bụng khó tiêu

4- Đổ mồ hôi, da lạnh, ẩm.

5- Tâm trạng sợ hãi, lo âu

Thấy các dấu hiệu này, kêu 9-1-1 hoặc điện thoại cấp cứu ngay.

Rủi ro gây bệnh tim mạch

Những rủi ro gây cơn đau tim gồm có:

1- Cao huyết áp, tim phải gắng sức hơn mới đẩy máu vào động mạch, lâu ngày mệt mỏi, suy yếu.

2- Cholesterol trong máu quá nhiều, đóng mảng trong lòng động mạch gây trở ngại lưu thông máu nuôi tim và cơ thể.

3- Tiểu Đường. Phụ nữ mang bệnh tiểu đường có rủi ro bị bệnh tim gấp đôi so với người thường và 2/3 sẽ sớm thiệt mạng vì cơn đau tim, tai biến não. Nguyên nhân chưa được biết rõ, có thể vì cao huyết áp, cao cholesterol...

4- Béo phì, quá ký làm tăng cholesterol, huyết áp đưa tới bệnh tim mạch.

5- Hút thuốc lá làm tim đập nhanh, tăng huyết áp, giảm khả năng chuyển chở oxy của hồng cầu, tăng thán khí có hại trong cơ thể, khiến cho cholesterol dễ kết tụ với tế bào máu đưa tới khối huyết, làm mạch máu co hẹp, tăng sức làm việc của tim.

Ngoài ra stress cũng là rủi ro gây ra bệnh tim mạch bằng cách tăng nhịp tim, tăng huyết áp, gây tổn thương lòng động mạch, cholesterol có cơ hội kết tụ gây ra nghẽn tắc tuần hoàn rồi lại ăn uống quá nhu cầu, đưa tới béo phì.

Phòng tránh

Rất nhiều phụ nữ có thể tránh được bệnh tim mạch nếu họ có những hiểu biết về bệnh, biết đặt câu hỏi liên quan tới bệnh với bác sĩ cũng như nhận được sự hỗ trợ của mọi người trong việc duy trì nếp sống lành mạnh.

Hội Tim Hoa Kỳ đưa ra hướng dẫn như sau:

- Không hút thuốc lá
- Chịu khó vận động cơ thể mỗi ngày 30 phút
- Giảm béo phì qua cân bằng ăn uống. Giữ chỉ số khối cơ thể BMI từ 18.5 tới 24.9 và vòng hông nhỏ hơn 88 cm.
- Ăn nhiều rau, trái cây, giảm chất béo động vật.
- Không uống rượu.
- Giảm căng thẳng tinh thần. Điều trị ngay khi bị trầm cảm.
- Phụ nữ mới thoát khỏi cơn đau tim, cơn đau thắt ngực, đã thông tim, nhận stent cần gia nhập các chương trình tập luyện phục hồi để giảm thiểu tái phát bệnh.

Điều trị

Ngày nay, khoa học đã cống hiến nhiều phương pháp điều trị rất hữu hiệu đối với bệnh tim mạch, NẾU bệnh nhân nhập viện sớm ngay khi có dấu hiệu. Chẳng hạn tắc nghẽn mạch máu nuôi tim vì khối huyết sẽ được khai thông tức thì nếu thuốc đặc trị được dùng trong vòng vài giờ. Cứu bệnh như cứu hỏa. Xin gọi 9-1-1 hoặc điện thoại cấp cứu ngay khi cảm thấy có các dấu hiệu báo động cơn đau tim, bệnh tim mạch.

Ở bệnh viện về, dùng thuốc theo đúng hướng dẫn. Tiếp tục các chương trình phòng tránh sự tái phát của bệnh.

Tiền đây xin nhắc về công dụng của viên Aspirin trong phòng tránh bệnh tim, vì nhiều người cũng thắc mắc.

Hội Tim Hoa Kỳ đề nghị (Recommend) Aspirin được dùng cho những người đã từng bị cơn đau tim, cơn đau thắt ngực không ổn định, tai biến vì máu cục, hoặc cơn tai biến thoáng qua, nếu không có chống chỉ định và với mục đích phòng tránh sự tái phát của bệnh.

Aspirin cũng được gợi ý (suggest) dùng để phòng tránh các bệnh vừa kể ở những người có rủi ro gây bệnh như cao huyết áp, cholesterol cao, tiểu đường, thân nhân bị bệnh tim.

Không nên tự ý dùng Aspirin khi chưa tham khảo ý kiến bác sĩ vì Aspirin cũng có tác dụng phụ đôi khi hiểm nghèo.

Rủi ro và ích lợi của Aspirin thay đổi tùy theo từng người.

Nếu đang dùng Aspirin nên cho bác sĩ hay khi nhớ rằng hoặc có giải phẫu để tránh xuất huyết quá độ.

Kết luận

Để kết luận, lang tôi xin mượn ý kiến của nữ bác sĩ chuyên khoa tim mạch Julia Shin, Trung tâm Y Khoa Montefiore, thành phố Nữ Ước: " Nữ giới trẻ cũng bị cơn đau tim thường kết thúc bằng tử vong" và " Nếu nếu bạn là người vận động đều đặn, đang chạy 8,5 km mỗi ngày mà đột nhiên bây giờ chỉ chạy được 1.5 km thì đó là điều cần lưu ý. Nếu bạn thấy buồn nôn, khó chịu dạ dày mỗi khi tập luyện cơ thể thì cũng cần tham khảo ý kiến bác sĩ ngay".

Nói có sách, mách có chứng, mà là chứng có đến từ nhà chuyên môn nữ giới. Rằng bệnh tim mạch cũng thường xảy ra ở quý bà quý cô trong nhiều hoàn cảnh, qua nhiều hình thức lắm đấy.

Kéo lại cứ bị cho là lang tôi chỉ hay rung cây nhất khi.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức M.D.

Dallas- Texas.

VỀ MỤC LỤC

GIÁO DỤC CẢ ĐỜI *Chuyện phiếm của Gã Siêu*

Gã không còn nhớ rõ lắm một tác giả phương Tây nào đó đã phát biểu đại khái như sau :

- Tương lai hậu vận của một người tùy thuộc vào một vài lần nói có hay không, được thốt lên vào lứa tuổi thiếu niên.

Thực vậy, gã xin đưa ra một vài thí dụ để chứng minh cho sự thật trên.

Chẳng hạn như vấn đề nghề nghiệp. Trước khi tập tễnh bước vào đời, các cô các cậu mới "nhớn", thường phải chọn cho mình một nghề để kiếm sống. Biết bao nhiêu nghề trải dài và trải rộng ra trước mặt. Họ có thể chọn căn cứ vào khả năng và hoàn cảnh riêng của mình. Họ có thể chọn theo tiêu chuẩn lợi nhuận, ngành nghề nào dễ kiếm tiền và hốt bạc, thì a lê hấp...nhào vô kiếm ăn. Và họ cũng có thể chọn dựa trên cái thể COCC, nghĩa là "con ông cháu cha", theo kiểu :

- Con vua thì lại làm vua,

Con thầy chùa, lại quét lá đa.

Và cái nghề được chọn sẽ theo họ trong suốt cả cuộc đời, tạo nên những thành công rực rỡ, cũng như đem lại những thất bại đắng cay.

Chẳng hạn như vấn đề bậc sống. Tới một lúc nào đó, các cô các cậu mới “nhớ” phải để lại sau lưng lứa tuổi babilac, cũng như phải vẫy tay giã từ lứa tuổi thần tiên mộng mơ, để bắt đầu suy nghĩ một cách “nghiêm văn chỉnh”.

Họ giống như người đứng giữa ngã ba đường. Bên này là ngã rẽ vào cuộc sống gia đình, sẽ phải chọn lấy một cô giữa những cô Cam, cô Quít, cô Mít, cô Xoài...rồi cùng sát cánh bên nhau mà xây đắp tương lai, cơ đồ và sự nghiệp.

Còn bên kia là ngã rẽ vào cuộc sống tu trì, chấp nhận suốt cả một đời...“em chỉ hát solo” và tích cực tham gia lực lượng “phòng không”.

Cũng vẫn chưa hết. Nếu đã rẽ vào bậc tu trì, thì phải chọn tu triều hay tu dòng. Nếu đã tu dòng, thì còn phải chọn cho mình dòng nào, nhất là đối với những cô bé ươm mơ mai mối lớn lên...“em sẽ làm ma sơ”. Bởi vì các dòng nữ thì nhiều như nấm mọc sau cơn mưa và đông như trăm hoa đua nở cho mỗi độ xuân về, khiến một nhà đạo đức đã phải hốt hoảng mà kêu lên :

- Đức Chúa Trời là Đấng thông minh vô cùng, Ngài thấu suốt mọi sự, chẳng có sự gì mà Ngài không biết. Ngay như con kiến đen nằm trên hòn đá đen vào đêm ba mươi tối đen, mà Ngài cũng vẫn thấy. Tuy nhiên, có một sự Ngài đành mỉm cười bó tay chịu thua, đó là trên cả và thế gian này có bao nhiêu dòng nữ ???

Dù các cô các cậu mới “nhớ” chọn bên này hay bên kia, rẽ vào bậc gia đình hay bậc tu trì, thì sự chọn lựa ấy sẽ kéo dài bằng cả cuộc đời của họ, chỉ trừ khi nào họ cổ tình...phá bĩnh mà thôi.

Trong bàn dân thiên hạ, chỉ một số ít là đã chọn ngã bên kia, tức là rẽ vào bậc tu trì, còn hầu như tất tần tật đều đã chọn ngã bên này, tức là rẽ vào bậc gia đình.

Tới đây, một câu hỏi nổi cộm lên trong đầu óc của gã, đó là vào tuổi nào thì mới nên bỏ bịch, yêu yế? Hay cụ thể hơn vào tuổi nào thì mới nên lập gia đình?

Bình thường các cụ ta ngày xưa vốn chủ trương :

- Nữ thập tam, nam thập lục. Gái mười ba, trai mười sáu.

Vì thế, ca dao mới đùa dỡn, bốn cột mà rằng :

- Lấy anh từ thuở mười ba,

Đến năm mười tám, thiệp đà năm con.

Ra đường thiệp hỷ còn son,

Về nhà thiệp đã năm con cùng chàng.

Thậm chí, có khi hai ông bố ngồi uống rượu, chén thù chén tạc với nhau, rồi kết tình thông gia, đính ước cho con cái mình, ngay cả khi chúng chưa có mặt trên đời :

- Nếu con anh là trai và con tôi là gái, hay ngược lại, chúng ta sẽ làm xui với nhau.

Thế nhưng, chuyện đời nhiều khi thật rắc rối và chéo cẳng ngỗng. Bên này đã đẻ con gái rồi, mà bên kia vẫn chẳng chịu sinh con gái. Đến khi “cu Tí” mở mắt chào đời, thì “cái Tèo” đã trở thành một thiếu nữ đang độ xuân thì.

Chính vì vậy, mới xảy ra cái cảnh “cười ra nước mắt”, mà ca dao đã diễn tả :

- Bồng bồng cống chồng đi chơi,

Đi đến chỗ lội đánh rơi mất chồng.

Cho tôi mượn chiếc gàu sòng,

Để tôi tát nước, vớt chồng tôi lên.

Trong khi đó, Giáo luật cũ khoản 1067 qui định gái mười bốn nam mười sáu. Nếu dưới lứa tuổi này thì cuộc hôn nhân bị coi là bất hợp pháp. Trước năm 1975, nhà nước đòi buộc gái mười sáu nam mười tám. Còn theo luật hiện hành thì gái mười tám, nam hai mươi.

Khuynh hướng thời bây giờ, xem ra các cô các cậu, muốn đầu tư vào nghề nghiệp trước đã, nên thường "khoan" chuyện lập gia đình và "hoãn" chuyện lấy vợ lấy chồng. Thế nhưng, nếu khoan lâu quá, thì phía anh đồn ông lại hay ngãng ra khi bàn đến chuyện ấy, còn nếu hoãn quá lâu, thì chị đồn bà lại gặp phải nhiều khó khăn trong việc sinh nở.

Cách đây khá lâu, tình cờ gã đọc được một cuốn sách bàn về việc chuẩn bị hôn nhân, trong đó tác giả không đưa ra một hạn tuổi nhất định nào để lập gia đình, mà lại đưa ra những điều kiện, những hành trang cần phải có, trước khi đi vào cuộc sống lứa đôi, đó là sự trưởng thành về sinh lý, về tình cảm và về xã hội.

Trước hết là sự trưởng thành về sinh lý.

Trưởng thành về sinh lý có nghĩa là cơ thể của đôi bên phải được phát triển đầy đủ để đón nhận thiên chức làm cha và làm mẹ, bởi vì một trong hai mục đích chính yếu của hôn nhân là sinh sản con cái như lời Chúa đã phán :

- Hãy sinh sôi nảy nở cho nhiều đầy mặt đất.

Mức độ trưởng thành về sinh lý tương đối rất sớm, có thể vào khoảng mười ba hay mười bốn tuổi. Tuy nhiên, cần phải đợi thêm một thời gian nữa cho cơ thể được phát triển trọn vẹn.

Theo thiện ý của gã, thì đây là một điều kiện cần phải lưu ý, nhất là đối với những bậc làm cha làm mẹ. Nhiều khi vì quá lo lắng cho con cái, đặc biệt là con gái lớn trong nhà, muốn gả sớm, phứt đi chừng nào hay chừng nấy, vì như người ta thường so sánh một cách khôi hài :

- Có con gái lớn như chứa một quả bom nổ chậm, chẳng biết nó sẽ phát nổ lúc nào?

Và tệ hơn nữa :

- Có con gái lớn như chứa một hũ mả tôm, không biết bao giờ nó sẽ tràn khỏi miệng hũ ?

Ngoài ra, các ông các bà thường nghĩ :

- Con gái có thời. Và khi cái thời ấy đã qua đi thì khó mà trở lại.

Lo lắng cho con cái là điều tốt, nhưng cha mẹ cần phải ý thức những hậu quả tai hại do việc kết hôn quá sớm gây nên. Những cặp vợ chồng trẻ con này, rất có thể vì bông bột mà lấy nhau, để rồi được dăm bữa nửa tháng lại chán nhau.

Tiếp đến là sự trưởng thành về tình cảm.

Người xưa đã bảo :

- Học ăn, học nói, học gói, học mở.

Ngay cả những cái thật tầm thường và đơn sơ, chúng ta còn phải học, huống nữa là tình yêu, một vấn đề vừa khó khăn lại vừa phức tạp, vừa đa dạng lại vừa tế nhị nhất trong cuộc sống.

Sự trưởng thành này đòi hỏi tình yêu của chúng ta phải được phát triển từ ấu trĩ đến trưởng thành, nhờ đó mỗi ngày một thêm mặn nồng, khăng khít và đắm đắm.

Tình trạng ấu trĩ là tình trạng khép kín, vị kỷ, vì mình, luôn đòi hỏi người yêu phải phục vụ bản thân chúng ta, như một câu danh ngôn đã bảo :

- Tôi nhìn vào cặp mắt người tôi yêu, không phải để thấy rằng cặp mắt ấy xinh đẹp, để thương và để mến, nhưng là để thấy hình ảnh tôi được in trong đó.

Chính khuynh hướng ích kỷ này sẽ bóp chết tình yêu, như Tagore đã diễn tả :

- Tại sao hoa kia lại héo ? Vì tôi đã hái mà ép nó vào ngực. Tại sao suối kia lại cạn ? Vì tôi đã xây đập, chặn nước để dùng riêng.

Nếu không vượt qua những chướng ngại vật do tính ích kỷ gây nên, chắc chắn tình yêu của chúng ta cũng sẽ bị tàn héo và khô cạn như thế.

Sự trưởng thành trong tình yêu đòi buộc chúng ta phải ra khỏi vỏ ốc sên của cái tôi, phải ra khỏi tháp ngà của bản thân để đến với người mình yêu, hầu giúp đỡ và đem lại hạnh phúc cho họ.

Hướng tới người mình yêu đã đành, mà hơn thế nữa, sự trưởng thành về tình cảm còn đòi hỏi phải quản lý con tim mình một cách chặt chẽ, để nó khỏi đập lồi nhịp hay bị trật đường rầy.

Thực vậy, tiến đến hôn nhân là chúng ta chính thức bày tỏ sự chọn lựa. Và theo gã nghĩ :

- Chọn lựa có nghĩa là chấp nhận và từ bỏ.

Chấp nhận người tôi yêu với tất cả những ưu điểm và khuyết điểm, những sở trường và sở đoản, để rồi cộng tác và giúp đỡ lẫn nhau hầu thăng tiến bản thân và đổi mới cuộc đời. Đồng thời phải từ bỏ tất cả những gì khả dĩ làm cho tình yêu bị suy giảm và hạnh phúc bị rạn vỡ.

Đó có thể là những hình ảnh vàng son của một dĩ vãng "hoàng thị". Nhưng dĩ vãng thì đã qua đi, chỉ có hiện tại mới là nỗi bận tâm duy nhất. Bởi vì nếu cứ so sánh dĩ vãng với hiện tại, chắc chắn chúng ta sẽ thấy hiện tại không được bằng dĩ vãng. Và như thế, tình yêu sẽ bị chết dần chết mòn.

Đó có thể là những chia sẻ bất chánh, những giao du thâm lén, những liên hệ vụng trộm, khả dĩ đem tới những ghen tương và làm cho gia đình bị đổ vỡ.

Sau cùng là sự trưởng thành về xã hội

Người trưởng thành về xã hội là người luôn ý thức trách nhiệm của mình, rồi cố gắng chu toàn một cách tối đa. Kể từ ngày kết hôn, đôi bạn trẻ đã rẽ vào một khúc quanh mới của cuộc đời, kể vai gánh lấy những bốn phận của nếp sống lứa đôi : bốn phận làm vợ làm chồng và bốn phận làm cha làm mẹ. Phải cố gắng chu toàn, vì một cuộc hôn nhân thành công hay thất bại, không phải chỉ đem lại hạnh phúc hay đau khổ cho riêng mình, mà còn cho con cái và cháu chắt, cho xã hội và Giáo Hội nữa.

Việc chu toàn những trách nhiệm này đòi hỏi đôi bạn phải hy sinh nhiều lắm. Nhưng chính nhờ những hy sinh cho nhau và vì nhau mà tình yêu mỗi ngày trở nên tinh ròng và thâm thiết.

Kinh nghiệm cho hay sự trưởng thành về sinh lý cứ đúng hẹn lại lên. Nếu không có những trục trặc nơi cơ thể, tới một lúc nào đó các cô các cậu mới "nhón" lập tức sẽ nhận ra ngay dấu chỉ của sự trưởng thành ấy.

Thế nhưng, sự trưởng thành về tình cảm và xã hội lại không lệ thuộc vào thời gian và tuổi tác, nhưng đòi hỏi phải tập luyện mỗi ngày

Có những anh chồng trên đầu muối đã nhiều hơn tiêu, thế mà vẫn còn ham chơi trống bỏi, bê tha vợ nọ con kia, đèo bông bồ nhí, chán cơm mà tìm đến phở :

- Sáng :

Chở cơm (vợ) đi ăn phở.

Trưa :

Chở phở (bồ) đi ăn cơm.

Chiều :

Cơm về nhà cơm,

Phở về nhà phở.

Tôi :

Nằm với cơm,

Mà vẫn mong về phở.

Có những ông bố, mặc dù đã mang nặng tuổi đời, thế mà vẫn cứ bê tha rượu chè và cờ bạc, không lo lắng cho gia đình đã đành, mà còn biến gia đình trở thành một địa ngục.

Tất cả những sự việc kể trên đều là những dấu chỉ chắc chắn nhất chứng tỏ rằng : họ chưa thực sự trưởng thành về tình cảm và xã hội, cho dù về sinh lý, họ đã dư sức qua cầu gió bay!

Trong phạm vi giáo dục, gã nhận thấy có hai loại. Loại thứ nhất là do người khác truyền cho. Loại thứ hai là do tự mình tìm lấy.

Và như vậy, sự giáo dục không miễn trừ cho bất kỳ ai và cũng chẳng có một hạn tuổi nhất định nào cả. Nó sinh ra cùng chúng ta và chết đi cũng cùng với chúng ta. Tuổi thọ của nó bằng tuổi đời của chúng ta.

Như trên gã vừa mới xác định : để có được sự trưởng thành về tình cảm và xã hội, người ta phải tập luyện hằng ngày. Thả lỏng một chút là đi đoong, mất toi công sức. Quên đi một tí là trở về với con số không.

Giống như người bơi ngược dòng nước, nếu không cố gắng bơi, chắc chắn sẽ bị dòng nước cuốn trôi.

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Duoc chon giua loai nguoi va cho loai nguoi; C
